VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH

Văn bản hợp nhất số 15/VBHN-BTC ngày 28 tháng 5 năm 2024 hợp nhất Thông tư hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế

(Tiếp theo Công báo số 719 + 720)

Phụ lục II

DANH MỤC MẪU BIỂU HỒ SƠ KHAI THUẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mẫu số: **01/PH**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI PHÍ

[01] Kỳ tính thuế: Tháng.... năm.....

[02] Lần đầu: □ [03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: □□□□□□□□□□ □□□

[06] Đại lý thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế: □□□□□□□□□□ □□□

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... ngày.....

STT	Loại phí	Đơn vị tiền	Số tiền phí thu được	Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%)	Số tiền phí trích để lại theo chế độ	Số tiền phí phải nộp NSNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)-(6)
	...					
Tổng cộng (theo đơn vị tiền):						

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Mẫu số: **02/PH**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHÍ

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu: □ [03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: □□□□□□□□□□ □□□

[06] Đại lý thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế: □□□□□□□□□□ □□□

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... ngày.....

STT	Loại phí	Đơn vị tiền	Số tiền phí thu được	Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%)	Số tiền phí trích để lại theo chế độ	Số tiền phí phải nộp Ngân sách Nhà nước	Số tiền phí đã kê khai trong kỳ	Chênh lệch giữa số quyết toán và kê khai
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (4) - (6)	(8)	(9)=(7)-(8)
	...							
Tổng cộng (theo đơn vị tiền):								

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Mẫu số: **01/LPTB**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ
(Áp dụng đối với nhà, đất)

[01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh ngày... tháng... năm...

[02] Lần đầu: □ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

□ Tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay cho người nộp thuế

[04] Người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: □□□□□□□□□□ □□□

[06] Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế):.....

[07] Địa chỉ:.....

[08] Quận/huyện:..... [09] Tỉnh/Thành phố:.....

[10] Điện thoại:..... [11] Fax:..... [12] Email:.....

[13] Đại lý thuế; hoặc Tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay (nếu có):.....

[14] Mã số thuế: □□□□□□□□□□ □□□

[15] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... ngày.....

ĐẶC ĐIỂM NHÀ ĐẤT:

1. Đất:.....

1.1. Thửa đất số (Số hiệu thửa đất):.....; Tờ bản đồ số:.....

1.2. Địa chỉ thửa đất:

1.2.1. Số nhà:..... Tòa nhà:..... Ngõ/Hẻm:.....

Đường/Phố:..... Thôn/xóm/ấp:.....

1.2.2. Phường/xã:.....

1.2.3. Quận/huyện.....

1.2.4. Tỉnh/thành phố.....

1.3. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):.....

1.4. Mục đích sử dụng đất:.....

1.5. Diện tích (m^2):.....

1.6. Nguồn gốc nhà đất: (đất được Nhà nước giao, cho thuê; đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, hoặc nhận tặng cho):

a) Tên tổ chức, cá nhân chuyển giao QSDĐ:

- Tên tổ chức/cá nhân chuyển giao QSDĐ:.....

- Mã số thuế:.....

- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế):.....
- Địa chỉ người giao QSDĐ:.....
b) Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao QSDĐ ngày..... tháng..... năm.....
1.7. Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có):
2. Nhà:
2.1. Thông tin về nhà ở, nhà làm việc, nhà sử dụng cho mục đích khác:
Cấp nhà:..... Loại nhà:..... Hạng nhà:.....
Trường hợp là nhà ở chung cư:
Chủ dự án:..... Địa chỉ dự án, công trình.....
Kết cấu:..... Số tầng nổi:..... Số tầng hầm:.....
Diện tích sở hữu chung (m^2):..... Diện tích sở hữu riêng (m^2):.....
2.2. Diện tích nhà (m^2):
Diện tích xây dựng (m^2):.....
Diện tích sàn xây dựng (m^2):.....
2.3. Nguồn gốc nhà:.....
a) Tự xây dựng:
- Năm hoàn công (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà):.....
b) Mua, thừa kế, tặng cho:
- Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà: Ngày..... tháng..... năm.....
2.4. Giá trị nhà (đồng):.....
3. Giá trị nhà, đất thực tế nhận chuyển nhượng □, nhận thừa kế □, nhận tặng cho □ (đồng):
.....
4. Tài sản thuộc diện được miễn lệ phí trước bạ (lý do):
.....
5. Thông tin đồng chủ sở hữu nhà, đất (nếu có):

STT	Tên tổ chức/cá nhân đồng sở hữu	Mã số thuế	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế)	Tỷ lệ sở hữu (%)

6. Giấy tờ có liên quan, gồm:
- .....
- .....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
hoặc
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC ỦY QUYỀN KHAI THAY
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Mẫu số: **02/LPTB**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ
(Áp dụng đối với tàu thuyền đánh cá, tàu thuyền vận tải thủy nội địa, tàu biển và tài sản khác trừ nhà, đất)

[01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh ngày... tháng... năm...
[02] Lần đầu □ **[03]** Bổ sung lần thứ:...
□ Tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay cho người nộp thuế

[04] Tên người nộp thuế (Chủ sở hữu, sử dụng tài sản):.....
[05] Mã số thuế (nếu có): ☐☐☐ ☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[06] Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế):.....
[07] Ngày cấp:..... [08] Nơi cấp:.....
[09] Địa chỉ:.....
[10] Quận/huyện:..... [11] Tỉnh/thành phố:.....
[12] Điện thoại:..... [13] Fax:..... [14] Email:.....
[15] Tên tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay (nếu có):.....
[16] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[17] Địa chỉ:.....
[18] Quận/huyện:..... [19] Tỉnh/thành phố:.....
[20] Điện thoại:..... [21] Fax:..... [22] Email:.....
[23] Tên đại lý thuế (nếu có):.....
[24] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[25] Hợp đồng đại lý thuế: số:..... ngày.....

I. TÀI SẢN

1. Loại tài sản:

Số Giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm Việt Nam cấp (Đối với hồ sơ khai điện tử):

.....

2. Nhãn hiệu:.....

3. Kiểu loại xe [Số loại hoặc tên thương mại hoặc mã kiểu loại (nếu không có Tên thương mại); tên thương mại và mã kiểu loại (nếu có) đối với ô tô]:.....

4. Nước sản xuất:.....

5. Năm sản xuất:.....

6. Thể tích làm việc/Công suất:.....
7. Trọng tải:.....
8. Số người cho phép chở (kể cả lái xe):.....
9. Chất lượng tài sản:.....
10. Số máy:.....
11. Số khung:.....
12. Biển kiểm soát:.....
13. Số đăng ký:.....
14. Trị giá tài sản (đồng):.....
(Viết bằng chữ:.....)
15. Mẫu số hóa đơn:.....; 16. Ký hiệu hóa đơn:.....;
17. Số hóa đơn:.....; 18. Ngày tháng năm:...../...../.....

II. NGUỒN GỐC TÀI SẢN

1. Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng tài sản:
- Tên tổ chức/cá nhân chuyển nhượng tài sản:.....
- Mã số thuế:.....
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế):.....
2. Địa chỉ:.....
3. Thời điểm làm giấy tờ chuyển nhượng tài sản: Ngày..... tháng..... năm.....

III. TÀI SẢN THUỘC DIỆN ĐƯỢC MIỄN LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ (lý do):.....
.....
.....

IV. GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN, GỒM:

- .....
- .....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Hoặc
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC ỦY QUYỀN KHAI THAY
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

Hướng dẫn kê khai các chỉ tiêu của Tờ khai lệ phí trước bạ - Mẫu số 02/LPTB - áp dụng đối với tài sản thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ (trừ nhà, đất)

[01] Kỳ tính thuế: Ghi ngày phát sinh khoản lệ phí trước bạ.

[02] Lần đầu: Tích vào ô lần đầu nếu khai lần đầu với trường hợp phát sinh mới.

[03] Bổ sung lần thứ: Điền số lần khai bổ sung.

[04] Tên người nộp thuế: Họ và tên chủ tài sản.

[05] Mã số thuế (nếu có): Ghi mã số thuế của chủ sở hữu, sử dụng tài sản đã được cấp (mã số thuế cá nhân hoặc mã số thuế của cá nhân, hộ gia đình sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp, tổ chức); trường hợp cá nhân chưa được cấp mã số thuế thì bỏ trống chỉ tiêu này, cơ quan thuế căn cứ các thông tin trên Tờ khai lệ phí trước bạ để cấp mã số thuế cho chủ sở hữu, sử dụng tài sản theo quy định.

[06], [07], [08]: Ghi số, ngày cấp, nơi cấp Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu của chủ tài sản.

[09], [10], [11] Địa chỉ: Ghi thông tin địa chỉ theo hướng dẫn như sau:

- Chủ tài sản là người Việt Nam:

+ Địa chỉ ghi theo Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân. Trường hợp chưa được cấp Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc địa chỉ nơi đăng ký thường trú ghi trong Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân không phù hợp với địa chỉ nơi đăng ký thường trú ghi trong Sổ hộ khẩu thì khai theo Sổ hộ khẩu hoặc;

+ Địa chỉ ghi theo Giấy chứng minh Công an nhân dân; Giấy chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng hoặc Giấy tờ hợp pháp theo quy định hoặc;

+ Địa chỉ theo trường học đối với học viên, sinh viên học theo hệ tập trung từ 2 năm trở lên của các trường trung cấp, cao đẳng, đại học, học viện.

- Chủ tài sản là người Việt Nam định cư ở nước ngoài về sinh sống, làm việc tại Việt Nam, địa chỉ được ghi theo Sổ tạm trú hoặc Sổ hộ khẩu hoặc địa chỉ theo giấy tờ khác theo quy định (còn giá trị sử dụng).

- Chủ tài sản là người nước ngoài, cụ thể:

+ Người nước ngoài làm việc trong các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế, ghi địa chỉ theo Chứng minh thư ngoại giao hoặc Chứng minh thư công vụ (còn giá trị sử dụng) hoặc theo Giấy tờ hợp pháp theo quy định.

+ Người nước ngoài làm việc, sinh sống ở Việt Nam, ghi địa chỉ theo Hộ chiếu (còn giá trị sử dụng) hoặc giấy tờ khác có giá trị thay Hộ chiếu; Thẻ thường trú, Thẻ tạm trú từ một năm trở lên và giấy phép lao động theo quy định hoặc Giấy tờ hợp pháp theo quy định.

- Chủ tài sản là tổ chức: Ghi theo địa chỉ của tổ chức.

[12] Điện thoại: Ghi số điện thoại nhận được tin nhắn thông báo của cơ quan thuế về Mã số hồ sơ và số tiền lệ phí trước bạ phải nộp.

[13], [14]: Điền thông tin fax (nếu có), email của người sở hữu, sử dụng tài sản nhận được Thông báo nộp lệ phí trước bạ của Cơ quan Thuế (đối với hồ sơ khai điện tử).

[15] Ghi tên tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay theo quy định của pháp luật.

[16] Mã số thuế: Ghi mã số thuế của tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay (mã số thuế cá nhân hoặc mã số thuế của cá nhân kinh doanh, doanh nghiệp, tổ chức).

[17] đến [19]: Ghi thông tin địa chỉ của tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay.

[20] Điện thoại: Ghi số điện thoại của tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay (số điện thoại nhận được tin nhắn thông báo của cơ quan thuế về Mã hồ sơ và số tiền lệ phí trước bạ phải nộp).

[21], [22]: Điền thông tin fax (nếu có), email của tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay nhận được Thông báo nộp lệ phí trước bạ của cơ quan thuế (đối với hồ sơ khai điện tử).

[23] Ghi tên Đại lý thuế khai thay

[24] Mã số thuế: Ghi mã số thuế của Đại lý thuế

[25] Hợp đồng đại lý thuế: Ghi các thông tin về số hiệu và ngày ký kết hợp đồng giữa chủ sở hữu, sử dụng tài sản và Đại lý thuế khai thay.

I. TÀI SẢN

1. Loại tài sản

Đối với phương tiện giao thông đường bộ: Ghi theo chỉ tiêu Loại phương tiện trên Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại hoặc Sổ kiểm định do cơ quan đăng kiểm cấp hoặc Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc từ thông tin loại phương tiện trên giấy tờ có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

Đối với phương tiện giao thông đường thủy, đường hàng không và các tài sản khác: Căn cứ vào các giấy tờ do cơ quan đăng kiểm cấp, giấy tờ về mua bán, chuyển giao tài sản hoặc thông tin loại tài sản thể hiện trên giấy tờ có liên quan của cơ quan có thẩm quyền để ghi loại tài sản là vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy, tàu thủy, thuyền, máy bay, du thuyền; súng săn, súng dùng để tập luyện, thi đấu thể thao...

Số Giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm Việt Nam cấp là Số hiệu của Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại hoặc Thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan đăng kiểm cấp (chỉ khai đối với hồ sơ khai lệ phí trước bạ điện tử).

2. Nhãn hiệu

Đối với phương tiện giao thông đường bộ: Ghi theo chỉ tiêu Nhãn hiệu trên Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại hoặc Sổ kiểm định do cơ quan đăng kiểm cấp hoặc Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc từ thông tin nhãn hiệu trên giấy tờ có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

Đối với phương tiện giao thông đường thủy, đường hàng không, tài sản khác thì ghi theo thông tin tương ứng trên giấy tờ do cơ quan đăng kiểm cấp hoặc để trống nếu giấy tờ không thể hiện thông tin này.

3. Kiểu loại xe

- Đối với phương tiện giao thông đường bộ:

+ Đối với xe ô tô: Lấy từ các chỉ tiêu Tên thương mại (Commercial name), Số loại (Model Code), Mã kiểu loại (Model code) trên Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại hoặc Sổ kiểm định do cơ quan đăng kiểm cấp hoặc Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc theo các thông tin tương ứng trên giấy tờ có liên quan của cơ quan có thẩm quyền, để ghi Kiểu loại xe theo cấu trúc như sau "Tên thương mại (Mã kiểu loại)" hoặc "Số loại (Mã kiểu loại)"; trường hợp trên các giấy tờ nêu trên mà chỉ tiêu Mã kiểu loại (Model code) không có hoặc có nhưng để trống thì ghi Kiểu loại xe theo cấu trúc "Tên thương mại" hoặc "Số loại".

Ví dụ minh họa: Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường thể hiện thông tin của 3 kiểu loại xe ô tô như sau:

• Xe có Nhãn hiệu (Trade mark): FORD, Tên thương mại (Commercial name): EVEREST, Mã kiểu loại (Model code): zNAV9KE thì ghi Kiểu loại xe là EVEREST (zNAV9KE).

• Xe có Nhãn hiệu (Trade mark): GENESIS, Tên thương mại (Commercial name): G70, Mã kiểu loại (Model code): thì ghi Kiểu loại xe là G70.

• Xe có Nhãn hiệu (Trade mark): TOYOTA, Số loại (Model Code): INNOVA TGN40L-GKMRKU thì ghi Kiểu loại xe là INNOVA TGN40L-GKMRKU.

+ Đối với các loại xe khác: Lấy từ các chỉ tiêu Tên thương mại (Commercial name), Số loại (Model Code) để ghi Kiểu loại xe theo cấu trúc như sau "Tên thương mại" hoặc "Số loại".

Ví dụ minh họa: Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại xe mô tô, xe gắn máy có thông tin của 2 kiểu xe máy như sau:

• Xe có Nhãn hiệu (Trade mark): HONDA, Số loại (Model Code): JA36 BLADE thì ghi Kiểu loại xe là JA36 BLADE.

• Xe có Nhãn hiệu (Trade mark): HARLEY-DAVIDSON, Tên Thương mại (Commercial name): SUPERLOW, Mã kiểu loại (Model code): XL883L thì ghi Kiểu loại xe là SUPERLOW.

+ Trường hợp chỉ tiêu Tên thương mại (Commercial name) không có thì ghi Kiểu loại xe theo Mã kiểu loại (Model code).

- Đối với phương tiện giao thông đường thủy, đường hàng không và tài sản khác thì không cần ghi thông tin này.

Từ chỉ tiêu 4 đến 13: Ghi theo các thông tin tương ứng trên Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại do cơ quan đăng kiểm cấp hoặc Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với xe mới) hoặc Sổ kiểm định hoặc Giấy đăng ký phương tiện (đối với xe đã qua sử dụng) hoặc Giấy tờ có liên quan khác của cơ quan có thẩm quyền, trong đó:

6: Thể tích làm việc có đơn vị tính là cm^3 hoặc kw hoặc mã lực.

7: Trọng tải có đơn vị tính là kg và được lấy theo chỉ tiêu Khối lượng hàng chuyên chở (kéo theo) cho phép tham gia giao thông trên các giấy tờ đó, trường hợp giấy tờ của xe thể hiện cả 2 chỉ tiêu Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông và Khối lượng kéo theo cho phép tham gia giao thông thì lấy từ chỉ tiêu có giá trị lớn hơn.

9: Chất lượng tài sản ghi là "Mới" hoặc "Đã qua sử dụng".

Trường hợp các giấy tờ nêu trên không có thông tin cần điền cho chỉ tiêu từ 4 đến 13 (trừ chỉ tiêu 9) thì để trống.

14. Trị giá tài sản (đồng): Ghi giá trị chuyển nhượng tài sản trên thị trường tại thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, sử dụng tài sản (theo hóa đơn bán hàng hợp pháp, hợp đồng mua bán,...).

Từ chỉ tiêu 15 đến 18: Khai các chỉ tiêu này trong trường hợp nộp hồ sơ khai lệ phí trước bạ điện tử và sử dụng hóa đơn điện tử.

II. NGUỒN GỐC TÀI SẢN

1. Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng tài sản: Ghi tên cá nhân hoặc tổ chức, doanh nghiệp thực hiện chuyển giao quyền sở hữu, sử dụng tài sản cho người đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản; ghi Mã số thuế là mã số thuế cá nhân (nếu có) hoặc mã số thuế của cá nhân, hộ gia đình sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp, tổ chức chuyển nhượng.

2. Địa chỉ: Đối với cá nhân thì ghi theo địa chỉ thường trú đăng ký tại các giấy tờ định danh (Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Sổ hộ khẩu hoặc hộ chiếu...); đối với tổ chức thì ghi theo địa chỉ của tổ chức.

3. Thời điểm làm giấy tờ chuyển nhượng tài sản: Ghi ngày tháng năm lập hoặc ngày tháng năm ký kết thể hiện trên giấy tờ về chuyển nhượng tài sản hợp pháp.

III. TÀI SẢN THUỘC DIỆN ĐƯỢC MIỄN LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ: Ghi cụ thể lý do được miễn lệ phí trước bạ theo quy định.

IV. GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN, GỒM: Ghi những giấy tờ kèm theo Tờ khai lệ phí trước bạ trong Hồ sơ khai lệ phí trước bạ theo quy định.

Mẫu số: **01/LP**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LỆ PHÍ

[01] Kỳ tính thuế: Tháng.... năm.....
[02] Lần đầu □ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Người nộp thuế:.....
[05] Mã số thuế: □□□□□□□□□□ □□□
[06] Đại lý thuế (nếu có):.....
[07] Mã số thuế: □□□□□□□□□□ □□□
[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... ngày.....

STT	Loại lệ phí	Đơn vị tiền	Số tiền lệ phí phải nộp NSNN
(1)	(2)	(3)	(4)
	...		
Tổng cộng (theo đơn vị tiền):			

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Mẫu số: **01/PHLPNG**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI PHÍ, LỆ PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC DO CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI THỰC HIỆN THU

[01] Kỳ tính thuế: Quý.... năm.....

[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ.....

[04] Người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Đại lý thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... ngày.....

STT	Loại phí, lệ phí và các khoản thu khác	Đơn vị tiền	Số tiền thu được	Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%)	Số tiền trích để lại theo chế độ	Số tiền phải nộp NSNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7)=(4)-(6)
	...					
Tổng cộng		x		x		

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Mẫu số: **02/PHLPNG**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHÍ, LỆ PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC DO CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI THỰC HIỆN THU

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu □ [03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[06] Đại lý thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... ngày.....

STT	Loại phí, lệ phí và các khoản thu khác	Đơn vị tiền	Số tiền thu được	Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%)	Số tiền trích để lại theo chế độ	Số tiền phải nộp NSNN	Số tiền đã kê khai trong kỳ	Chênh lệch giữa số quyết toán và số đã kê khai
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)-(6)	(8)	(9)=(7)-(8)
	...							
Tổng cộng								

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

Cột (8): Số đã kê khai trong kỳ được tổng hợp từ chỉ tiêu (7) trên tờ khai mẫu số 01/PHLPNG đã nộp cho cơ quan thuế của các kỳ tính thuế theo quý trong năm.

Mẫu số: **02-1/PHLPNG**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC BẢNG KÊ PHÍ, LỆ PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC PHẢI NỘP THEO TỪNG CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI THỰC HIỆN THU

(Kèm theo tờ khai quyết toán phí, lệ phí và các khoản thu khác mẫu số 02/PHLPNG)

[01] Kỳ tính thuế: Năm....

[02] Người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

STT	Tên cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Loại phí, lệ phí và các khoản thu khác	Đơn vị tiền	Số tiền thu được	Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%)	Số tiền trích để lại theo chế độ	Số tiền phải nộp NSNN	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)x(6)	(8)=(5)-(7)	(9)
Tổng cộng theo từng loại phí, lệ phí và các khoản thu khác		...	...					
TỔNG CỘNG								

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Mẫu số: **01/NTNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI

(Áp dụng đối với Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay cho Nhà thầu nước ngoài)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng..... năm...../Lần phát sinh ngày... tháng... năm....

[02] Lần đầu: □ **[03]** Bổ sung lần thứ:.....

[04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:.....

[05] Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam: | | | | | | | | | | | | |

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | |

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... Ngày:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Nội dung	Mã số thuế của NTNN tại Việt Nam (nếu có)	Hợp đồng		Doanh thu chưa bao gồm thuế GTGT	Ngày thanh toán	Thuế giá trị gia tăng (GTGT)			Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)				Tổng số thuế phải nộp vào Ngân sách Nhà nước
		Số	Ngày/ tháng/ Năm			Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ % để tính thuế GTGT	Thuế giá trị gia tăng phải nộp	Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ (%) thuế TNDN	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9=7x8)	(10)	(11)	(12)	[13=(10x11)-(12)]	(14)=(9)+(13)
1. Nhà thầu nước ngoài A (*)													
2. Nhà thầu nước ngoài B (*)													
3. Nhà thầu nước ngoài C (*)													
.....													
Tổng cộng:													

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú: *(*) Trường hợp trong kỳ tính thuế có nhiều ngành kinh doanh thì ghi chi tiết theo từng ngành kinh doanh*

Mẫu số: **02/NTNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI

(Áp dụng đối với Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay cho Nhà thầu nước ngoài)

[01] Kỳ tính thuế: Quyết toán hợp đồng số.... ngày... tháng... năm...

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:.....

[04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:.....

[05] Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Kê khai của bên Việt Nam ký hợp đồng			Ghi chú
		Kê khai	Quyết toán	Chênh lệch	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)
1	Giá trị hợp đồng				
2	Doanh thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng				
3	Doanh thu tính thuế phần việc được trừ của các Nhà thầu phụ (nếu có)				
4	Doanh thu tính thuế của nhà thầu nước ngoài (4=2-3)				
5	Số thuế phải nộp của nhà thầu nước ngoài (5=5a+5b)				
5a	Thuế giá trị gia tăng				
5b	Thuế thu nhập doanh nghiệp				

STT	Chỉ tiêu	Kê khai của bên Việt Nam ký hợp đồng			Ghi chú
		Kê khai	Quyết toán	Chênh lệch	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)
6	Số thuế đã nộp				
6a	Thuế giá trị gia tăng				
6b	Thuế thu nhập doanh nghiệp				
7	Số thuế còn phải nộp (7=5-6>0=7a+7b)				
7a	Thuế giá trị gia tăng (7a=5a-6a>0)				
7b	Thuế thu nhập doanh nghiệp (7b=5b-6b>0)				
8	Số thuế nộp thừa (8=5-6<0=8a+8b)				
8a	Thuế giá trị gia tăng (8a=5a-6a<0)				
8b	Thuế thu nhập doanh nghiệp (8b=5b-6b<0)				

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Trường hợp có nhiều nhà thầu phụ thì lập bảng kê chi tiết đối với từng nhà thầu phụ.

- Trường hợp có nhiều nhà thầu nước ngoài thì lập bảng kê chi tiết đối với từng nhà thầu nước ngoài.

Mẫu số: **02-1/NTNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục
BẢNG KÊ CÁC NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI
(Kèm theo Tờ khai Quyết toán thuế Nhà thầu nước ngoài mẫu: 02/NTNN)
Kỳ tính thuế: Quyết toán hợp đồng số.... ngày... tháng... năm...

Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:.....
Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

STT	Tên nhà thầu nước ngoài	Nước cư trú	Mã số thuế của nhà thầu nước ngoài tại Việt Nam (nếu có)	Loại hàng hóa, dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Thời hạn Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng	Doanh thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng	Số lượng lao động
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Mẫu số: 02-2/NTNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG KÊ CÁC NHÀ THẦU PHỤ THAM GIA HỢP ĐỒNG NHÀ THẦU

(Kèm theo Tờ khai Quyết toán thuế Nhà thầu nước ngoài mẫu: 02/NTNN)

Kỳ tính thuế: Quyết toán hợp đồng số.... ngày... tháng... năm...

Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:.....

Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

STT	Tên nhà thầu phụ	Mã số thuế của nhà thầu phụ tại Việt Nam (nếu có)	Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng		Loại hàng hóa, dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Thời hạn hợp đồng	Giá trị của hợp đồng	Doanh thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng
			Tên Nhà thầu nước ngoài	Mã số thuế của Nhà thầu nước ngoài tại Việt Nam (nếu có)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Tổng cộng									

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Mẫu số: **03/NTNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI

(Áp dụng đối với nhà thầu nước ngoài trực tiếp nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng..... năm...../Lần phát sinh ngày... tháng... năm....

[02] Lần đầu: □ **[03]** Bổ sung lần thứ:.....

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... ngày:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Nội dung công việc	Tên nhà thầu phụ (nếu có)	Mã số thuế của nhà thầu phụ (nếu có)	Hợp đồng		Số tiền thanh toán kỳ này	Ngày thanh toán	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)			
			Số	Ngày/ tháng/ năm			Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ % thuế TNDN	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định	Thuế TNDN phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	{(11=(8x9)-10}
Tổng cộng:										

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú: Cột (2), (3) dùng để kê khai thông tin về tên, mã số thuế của nhà thầu phụ nước ngoài trong trường hợp nhà thầu nước ngoài kê khai, nộp thuế thay cho nhà thầu phụ nước ngoài.

Mẫu số: **04/NTNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI

(Áp dụng đối với nhà thầu nước ngoài trực tiếp nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Từ ngày..... đến ngày.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:.....

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... ngày:.....

[09] Hợp đồng nhà thầu: Số..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Kê khai	Quyết toán	Chênh lệch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)
1	Giá trị hợp đồng				
2	Doanh thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng				
3	Doanh thu phần việc nhà thầu phụ Việt Nam thực hiện được trừ (nếu có)				
4	Doanh thu tính thuế (4=2-3)				
5	Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp				

STT	Chỉ tiêu	Kê khai	Quyết toán	Chênh lệch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)
6	Số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp				
7	Số thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp (7=5-6>0)				
8	Số thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa (8=5-6<0)				

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú: *- Trường hợp có nhiều nhà thầu phụ thực hiện thì lập bảng kê chi tiết đối với từng nhà thầu phụ*

Mẫu số: **01/VTNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI HÃNG VẬN TẢI NƯỚC NGOÀI

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[**04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:**.....

[05] Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Doanh thu tính thuế	[09]	
2	Tỷ lệ (%) thuế TNDN	[10]	
3	Số thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định	[11]	
4	Số thuế TNDN phải nộp	[12]	
5	Số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	[13]	
6	Số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	[14]	
7	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm [15] = [12] - [14]	[15]	
8	Số thuế TNDN còn phải nộp [16] = [12] - [13] - [14]	[16]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

1. Chỉ tiêu [13]: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này.

2. Chỉ tiêu [14]: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.

Mẫu số: **01-1/VTNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục
BẢNG KÊ THU NHẬP VẬN TẢI QUỐC TẾ
(áp dụng đối với doanh nghiệp khai thác tàu)
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế TNDN đối với hãng vận tải nước ngoài mẫu: 01/VTNN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm...

[02] Lần đầu ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên hãng vận tải nước ngoài:.....
[05] Nước cư trú:.....
[06] Tên/hô hiệu phương tiện vận tải:.....
[07] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:.....
[08] Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Chứng từ vận chuyển	Hóa đơn		Cảng đi	Cảng đến	Thông tin khách hàng		Tổng doanh thu vận chuyển thực tế	Số thuế TNDN phải nộp	Số thuế TNDN miễn, giảm theo Hiệp định
	Số	Ngày, tháng, năm phát hành			Tên	Mã số thuế			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Tổng cộng									

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:
- Cột (1) đến (6) ghi trên cơ sở vận đơn xuất cho khách hàng
- Cột (7) ghi doanh thu tính thuế của người trực tiếp điều hành phương tiện vận tải không bao gồm tiền thuế đã trả cho doanh nghiệp khác tham gia vận tải từ cảng Việt Nam đến cảng trung gian.

Mẫu số: **01-2/VTNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG KÊ THU NHẬP VẬN TẢI QUỐC TẾ

(áp dụng đối với trường hợp hoán đổi/chia chỗ)

(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế TNDN đối với hãng vận tải nước ngoài mẫu: 01/VTNN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm...

[02] Lần đầu ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên hãng vận tải nước ngoài:.....

[05] Nước cư trú:.....

[06] Tên/hô hiệu phương tiện vận tải:.....

[07] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:.....

[08] Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Số chứng từ vận chuyển	Hóa đơn		Cảng đi	Cảng đến	Khách hàng		Số chỗ hoán đổi/chia (theo thỏa thuận hoán đổi/chia chỗ)	Số chỗ hoán đổi thực tế	Doanh thu quy đổi	Số thuế TNDN phải nộp	Số thuế TNDN miễn, giảm theo Hiệp định
	Số	Ngày, tháng năm phát hành			Tên	MST					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

...., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Cột (1) đến (5) ghi trên cơ sở vận đơn xuất cho khách hàng

- Cột (6) ghi số TEU hoặc số chỗ được sử dụng miễn phí quy định trong thỏa thuận hoán đổi/chia chỗ

- Cột (7) ghi số TEU hoặc số chỗ đã thực tế sử dụng trên tàu của hãng đối tác

- Cột (8) ghi doanh thu quy đổi đã là số tiền thu được từ khách hàng đối với số chỗ đã sử dụng thực tế không vượt quá hạn mức được sử dụng

Mẫu số: **01-3/VTNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG KÊ DOANH THU LƯU CÔNG-TEN-NƠ

(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế TNDN đối với hãng vận tải nước ngoài mẫu: 01/VTNN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm...

[02] Lần đầu ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên hãng vận tải nước ngoài:.....

[05] Nước cư trú:.....

[06] Tên/hô hiệu phương tiện vận tải:.....

[07] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:.....

[08] Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Số chứng từ vận chuyển	Hóa đơn		Cảng đến	Khách hàng		Doanh thu lưu công- ten-nơ (không bao gồm thuế giá trị gia tăng)	Số thuế TNDN phải nộp	Số thuế TNDN miễn, giảm theo Hiệp định
	Số	Ngày, tháng, năm phát hành		Tên	MST			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Mẫu số: **01/TBH**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
ĐỐI VỚI TỔ CHỨC NHẬN TÁI BẢO HIỂM NƯỚC NGOÀI

[01] Kỳ tính thuế: Quý..... năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:.....

[05] Mã số thuế nộp thay của bên Việt Nam: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Tên Tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài:.....

[07] Nước cư trú:.....

[08] Địa chỉ trụ sở chính tại nước ngoài:.....

[09] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[10] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[11] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số phát sinh quý này	Số lũy kế năm
I	Tổng doanh thu [12]=[13]+[14]	[12]		
1	Doanh thu từ hoạt động tái bảo hiểm	[13]		
2	Doanh thu khác	[14]		
II	Các khoản giảm trừ doanh thu [15]=[16]+[17]	[15]		
1	Các khoản thu hộ	[16]		
2	Các khoản chi khác	[17]		
III	Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp [18]=[12]-[15]	[18]		
IV	Tỷ lệ (%) thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên doanh thu chịu thuế	[19]		
V	Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong kỳ [20]=[18]x[19]	[20]		

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số phát sinh quý này	Số lũy kế năm
VI	Số thuế miễn, giảm trong kỳ [21]=[22]+[23]	[21]		
1	Số thuế miễn, giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	[22]		
2	Số thuế miễn, giảm khác	[23]		
VII	Số thuế phải nộp trong kỳ [24]=[20]-[21]	[24]		

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

...., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
((Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)/Ký điện tử)

Mẫu số: **01-1/TBH**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

DANH MỤC HỢP ĐỒNG TÁI BẢO HIỂM

(Kèm theo Tờ khai thuế mẫu: 01/TBH)

[01] Kỳ tính thuế: Quý.....năm.....

[02] Lần đầu ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài hoặc tổ chức được ủy quyền:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

STT	Loại Hợp đồng	Đại diện ký kết				Hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng		Trách nhiệm pháp lý và cam kết của các bên	Đối tượng có thẩm quyền kết hợp đồng	Các nội dung liên quan đến thuế trong hợp đồng
		Bên Việt Nam		Bên nước ngoài		Số	Ngày	Từ ngày	Đến ngày			
		Tên	Mã số thuế	Tên	Mã số thuế (nếu có)							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	A: Hợp đồng TBH P&I											
1												
2	.....											
	B: Hợp đồng TBH kỹ thuật											
1												
2	.....											

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Mẫu số: **01/HKNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI

[01] Kỳ tính thuế: Quý..... năm.....

[02] Lần đầu ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên Hãng hàng không nước ngoài:.....

[05] Nước cư trú:.....

[06] Địa chỉ trụ sở chính tại nước ngoài:.....

[07] Tên văn phòng/đại lý tại Việt Nam:.....

[08] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[09] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[10] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[11] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số phát sinh quý này	Số lũy kế năm
I	Tổng doanh thu [12]=[13]+[14]+[15]	[12]		
1	Doanh thu bán vé hành khách	[13]		
2	Doanh thu bán vận đơn hàng không	[14]		
3	Doanh thu khác	[15]		
II	Các khoản giảm trừ doanh thu [16]=[17]+[18]	[16]		
1	Các khoản thu hộ	[17]		
2	Chi hoàn do khách hàng trả lại vé	[18]		
III	Doanh thu chịu thuế TNDN [19]=[12]-[17]	[19]		
IV	Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu chịu thuế	[20]		
V	Thuế TNDN phát sinh trong kỳ [21]=[19]x[20]	[21]		
VI	Số thuế TNDN miễn, giảm theo Hiệp định trong kỳ	[22]		
VII	Số thuế TNDN phải nộp trong kỳ [23]=[21]-[22]	[23]		

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai./.

...., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Mẫu số: **01/TK-VSP**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ TẠM TÍNH
(Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro)

[01] Dầu thô: □ **[02]** Condensate: □ **[03]** Khí thiên nhiên: □

[04] Kỳ tính thuế: Ngày... tháng... năm... Hoặc tháng... năm...

[05] Lần xuất bán thứ:...

[06] Lần đầu □ **[07]** Bổ sung lần thứ:...

[08] Xuất khẩu □ **[09]** Xuất bán tại Việt Nam □

[10] Ngày xuất hóa đơn đối với xuất bán tại Việt Nam:.../.../....

[11] Tên người nộp thuế:.....

[12] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[13] Địa chỉ:..... **[14]** Quận/huyện:..... **[15]** Tỉnh/Thành phố:.....

[16] Điện thoại:..... **[17]** Fax:..... **[18]** E-mail:.....

[19] Hợp đồng dầu khí lô:.....

[20] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[21] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:.....

[22] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[23] Địa chỉ:..... **[24]** Quận/huyện:..... **[25]** Tỉnh/Thành phố:.....

[26] Điện thoại:..... **[27]** Fax:..... **[28]** E-mail:.....

[29] Hợp đồng ủy quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số:..... ngày.....

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu khí xuất bán	**[30]**	Thùng; m^3	
1.1	Sản lượng dầu khí xuất bán quy đổi	**[30a]**	Tấn/MMBTU/GJ	
1.2	Hệ số quy đổi	**[30b]**	Thùng/tấn; m^3/MMBTU; m^3/GJ	
2	Tỷ lệ dầu để lại theo kế hoạch	**[31]**	%	
3	Sản lượng dầu lãi tạm tính	**[32]**	Thùng	
4	Giá tính thuế	**[33]**	USD/thùng; USD/m^3	
5	Giá dầu thô cơ sở	**[34]**	USD/thùng	

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
6	Doanh thu	**[35]**	USD; VND	
7	Số tiền thuế tài nguyên tạm tính phải nộp	**[36]**	USD; VND	
8	Số tiền thuế đặc biệt tạm tính phải nộp	**[37]**	USD; VND	
9	Số phụ thu tạm tính phải nộp [38] = [39] hoặc [40]	**[38]**	USD; VND	
9.1	Trường hợp {1,2x[34]}<[33]≤ {1,5x[34]}: [39] = 50%x{[33]-1,2x[34]}x[32]	**[39]**	USD; VND	
9.2	Trường hợp [33] >{1,5x[34]}: [40]=[41] + [42]	**[40]**	USD; VND	
a.	Phụ thu theo mức 50% [41] = 50%x{1,5x[34]-1,2x[34]}x[32]	**[41]**	USD; VND	
b.	Phụ thu theo mức 60% [42] = 60%x{[33]-1,5x[34]}x[32]	**[42]**	USD; VND	
10	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp	**[43]**	USD; VND	
11	Tỷ giá quy đổi	**[44]**	VND/USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

- Trường hợp Liên doanh khai thác đồng thời dầu thô, condensate và khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.

- Trường hợp dầu thô, condensate, khí thiên nhiên bán tại thị trường Việt Nam hoặc Chính phủ có quy định khác thì đồng tiền nộp thuế là đồng Việt Nam; tỷ giá quy đổi thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán.

- USD: đô la Mỹ; VND: đồng Việt Nam.

Mẫu số: **01-1/TNDN-VSP**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠM TÍNH
(Áp dụng đối với thu nhập từ tiền kết dư của phần dầu để lại)

[01] Dầu thô: □ **[02]** Condensate: □ **[03]** Khí thiên nhiên: □

[04] Kỳ tính thuế: Ngày... tháng... năm...

[05] Kỳ kết dư: Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...

[06] Lần đầu □ **[07]** Bổ sung lần thứ:...

[08] Tên người nộp thuế:.....

[09] Mã số thuế: □□□□□□□□□□ □□□

[10] Địa chỉ:..... **[11]** Quận/huyện:..... **[12]** Tỉnh/Thành phố:.....

[13] Điện thoại:..... **[14]** Fax:..... **[15]** E-mail:.....

[16] Hợp đồng dầu khí lô:.....

[17] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:
□□□□□□□□□□ □□□

[18] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:.....

[19] Mã số thuế: □□□□□□□□□□ □□□

[20] Địa chỉ:..... **[21]** Quận/huyện:..... **[22]** Tỉnh/Thành phố:.....

[23] Điện thoại:..... **[24]** Fax:..... **[25]** E-mail:.....

[26] Hợp đồng ủy quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số:..... ngày.....

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Thu nhập từ tiền kết dư phần dầu để lại	**[27]**	USD; VND	
2	Thuế suất thuế TNDN (50%)	**[28]**	USD; VND	
3	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp [29]=[27]x[28]	**[29]**	USD; VND	
4	Tỷ giá quy đổi	**[30]**	VND/USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

- Trường hợp Liên doanh khai thác đồng thời dầu thô, condensate và khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.

- Chỉ tiêu số [04]- Kỳ tính thuế là ngày, tháng, năm Hội đồng Liên doanh ra quyết nghị khoản tiền sử dụng không hết.

- Chỉ tiêu số [05]- Kỳ kết dư là khoảng thời gian Vietsovpetro xác định khoản tiền sử dụng không hết để báo cáo Hội đồng Liên doanh quyết nghị.

- Tỷ giá quy đổi thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán.

Mẫu số: **01-1/PTHU-VSP**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI PHỤ THU TẠM TÍNH
(Đối với dầu lãi từ tiền kết dư của phần dầu để lại)

[01] Dầu thô: □ **[02]** Condensate: □

[03] Kỳ tính thuế: Ngày... tháng... năm...

[04] Kỳ kết dư: Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...

[05] Lần đầu □ **[06]** Bổ sung lần thứ:...

[07] Tên người nộp thuế:.....

[08] Mã số thuế: □□□□□□□□□□ □□□

[09] Địa chỉ:..... **[10]** Quận/huyện:..... **[11]** Tỉnh/Thành phố:.....

[12] Điện thoại:..... **[13]** Fax:..... **[14]** E-mail:.....

[15] Hợp đồng dầu khí lô:.....

[16] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

□□□□□□□□□□ □□□

[17] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:.....

[18] Mã số thuế: □□□□□□□□□□ □□□

[19] Địa chỉ:..... **[20]** Quận/huyện:..... **[21]** Tỉnh/Thành phố:.....

[22] Điện thoại:..... **[23]** Fax:..... **[24]** E-mail:.....

[25] Hợp đồng ủy quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số:..... ngày.....

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Số tiền kết dư của phần dầu thô, condensate, khí thiên nhiên (nếu có) để lại	**[26]**	USD	
2	Số tiền kết dư của phần khí thiên nhiên để lại (nếu có)	**[27]**	USD	
3	Số tiền kết dư của phần dầu thô, condensate để lại [28]=[26]-[27]	**[28]**	USD	
4	Giá bình quân gia quyền của các lô dầu thô, condensate xuất bán trong kỳ kết dư	**[29]**	USD/thùng	
5	Sản lượng dầu lãi từ tiền kết dư của phần dầu để lại [30] = [28]/[29]	**[30]**	Thùng	

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
6	Giá dầu thô cơ sở	**[31]**	USD/thùng	
7	Số phụ thu tạm tính phải nộp [32]=[33] hoặc [34]	**[32]**	USD	
7.1	Trường hợp {1,2x[31]} < [29] ≤ {1,5x[31]}: [33] = 50%x{[29]-1,2x[31]}x[30]	**[33]**	USD	
7.2	Trường hợp [29] > {1,5x[31]}: [34]=[35] + [36]	**[34]**	USD	
a	- Phụ thu theo mức 50% [35] = 50%x{1,5x[31]-1,2x[31]}x[30]	**[35]**	USD	
b	- Phụ thu theo mức 60% [36] = 60%x{[29]-1,5x[31]}x[30]	**[36]**	USD	
8	Tỷ giá quy đổi	**[37]**	VND/USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

- Chỉ tiêu số [03]- Kỳ tính thuế là ngày, tháng, năm Hội đồng Liên doanh ra quyết nghị khoản tiền sử dụng không hết.

- Chỉ tiêu số [04]- Kỳ kết dư là khoảng thời gian Vietsovpetro xác định khoản tiền sử dụng không hết để báo cáo Hội đồng Liên doanh quyết nghị.

- Tỷ giá quy đổi thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán.

Mẫu số: **01/LNCN-VSP**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI TẠM TÍNH TIỀN LÃI DẦU, KHÍ NƯỚC CHỦ NHÀ
(Liên doanh Việt - Nga "Vietsovpetro")

[01] Dầu thô: □ **[02]** Condensate: □ **[03]** Khí thiên nhiên: □
[04] Kết dư dầu: □ **[05]** Kết dư condensate: □ **[06]** Kết dư khí: □
[07] Kỳ tính thuế: Ngày... tháng... năm... Hoặc tháng... năm...
[08] Lần đầu □ **[09]** Bổ sung lần thứ:...

[10] Tên người nộp thuế:.....
[11] Mã số thuế người nộp thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[12] Hợp đồng dầu khí lô:.....
[13] Mã số thuế hợp đồng dầu khí: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐
[14] Địa chỉ nhà điều hành PSC:.....
[15] Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/Thành phố:.....
[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** E-mail:.....
[20] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:.....
[21] Mã số thuế đơn vị được ủy quyền/đại lý thuế:
☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[22] Địa chỉ:..... **[23]** Quận/huyện:..... **[24]** Tỉnh/Thành phố:.....
[24] Điện thoại:..... **[25]** Fax:..... **[26]** E-mail:.....
[28] Hợp đồng ủy quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số:..... ngày.....

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	**Tiền lãi dầu khí đối với dầu khí xuất bán**			
1	Sản lượng dầu, khí xuất bán	**[29]**	Thùng; m^3	
2	Sản lượng dầu thô, khí thiên nhiên xuất bán quy đổi	**[30]**	Tấn/MMBTU/GJ	
3	Hệ số quy đổi	**[31]**	Thùng/tấn; m^3/MMBTU; m^3/GJ	
4	Giá bán	**[32]**	USD/thùng; USD/m^3	
5	Doanh thu thực hiện	**[33]**	USD;VND	

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
6	Thuế tài nguyên tạm tính phải nộp	**[34]**	USD; VND	
7	Thuế xuất khẩu/Thuế đặc biệt tạm tính phải nộp	**[35]**	USD; VND	
8	Số phụ thu tạm tính phải nộp	**[36]**	USD; VND	
9	Các loại thuế khác (nếu có)	**[37]**	USD; VND	
10	Chi phí để lại theo kế hoạch	**[38]**	USD; VND	
11	Chi phí khác	**[39]**	USD; VND	
12	Lợi nhuận trước thuế [40]=[33]-[34]-...-[39]	**[40]**	USD; VND	
13	Thuế suất thuế TNDN tạm nộp	**[41]**	%	
14	Thuế TNDN tạm nộp [42]=[40]x[41]	**[42]**	USD; VND	
15	Lợi nhuận sau thuế [43]=[40]-[42]	**[43]**	USD; VND	
16	Tỷ lệ chia cho nước chủ nhà	**[44]**	%	
17	Tiền lãi dầu, khí và các khoản khác được chia của nước chủ nhà [45]=[43]x[44]	**[45]**	USD; VND	
17.1	*Tỷ lệ (%) nộp ngân sách*	***[46]***	*%*	
17.2	*Tỷ lệ (%) để lại Công ty mẹ - PVN*	***[47]***	*%*	
17.3	*Số tiền nộp trực tiếp vào ngân sách [48] = [45] x [46]*	***[48]***	*USD; VND*	
17.4	*Số tiền nộp về Công ty mẹ - PVN [49] = [45] x [47]*	***[49]***	*USD; VND*	
18	Tỷ giá quy đổi	**[50]**	VND/USD	
II	**Tiền lãi dầu khí đối với tiền kết dư**		USD; VND	
1	Số tiền kết dư của phần dầu khí để lại	**[51]**	USD; VND	
1.1	*Tiền kết dư phần dầu khí để lại theo giá kế hoạch không sử dụng hết*	**[51a]**	USD; VND	
1.2	*Tiền kết dư phần chênh lệch giá dầu khí thực tế cao hơn giá kế hoạch*	**[51b]**	USD; VND	

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
2	Số phụ thu tạm tính phải nộp	**[52]**	USD; VND	
3	Thuế TNDN tạm nộp	**[53]**	USD; VND	
4	Lợi nhuận sau thuế [54]=[51]-[52]-[53]	**[54]**	USD; VND	
5	Tỷ lệ chia cho nước chủ nhà	**[55]**	%	
6	Tiền lãi dầu, khí được chia của nước chủ nhà [56]=[54]x[55]	**[56]**	USD; VND	
6.1	*Tỷ lệ (%) nộp ngân sách*	***[57]***	*%*	
6.2	*Tỷ lệ (%) để lại Công ty mẹ - PVN*	***[58]***	*%*	
6.3	*Số tiền nộp trực tiếp vào ngân sách [59] = [56] x [57]*	***[59]***	*USD; VND*	
6.4	*Số tiền nộp về Công ty mẹ - PVN [60] = [56] x [58]*	***[60]***	*USD; VND*	
7	Tỷ giá quy đổi	**[61]**	VND/USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

- Chỉ tiêu [07]: Kỳ tính thuế đối với dầu thô, condensate là ngày xuất bán dầu thô, condensate; Kỳ tính thuế đối với khí thiên nhiên là tháng xuất bán; Kỳ tính thuế với trường hợp kết dư là ngày, tháng, năm Hội đồng Liên doanh ra quyết nghị khoản tiền sử dụng không hết.

- Chỉ tiêu [10]: Tên người nộp thuế là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Lô 09.1).

- Trường hợp dầu thô, condensate, khí thiên nhiên và kết dư bán tại thị trường Việt Nam hoặc Chính phủ có quy định khác thì đồng tiền nộp thuế là đồng Việt Nam; tỷ giá quy đổi thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán.

- Trường hợp Liên doanh khai thác đồng thời dầu thô, condensate, khí thiên nhiên và phát sinh số kết dư của cả 3 sản phẩm thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.

- USD: đô la Mỹ; VND: đồng Việt Nam.

Mẫu số: **02/TAIN-VSP**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TÀI NGUYÊN ĐỐI VỚI DẦU KHÍ

[01] Dầu thô: □ **[02]** Condensate: □ **[03]** Khí thiên nhiên: □

[04] Kỳ tính thuế: Năm...

[05] Lần đầu □ **[06]** Bổ sung lần thứ:...

[07] Tên người nộp thuế:.....

[08] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[09] Địa chỉ:..... **[10]** Quận/huyện:..... **[11]** Tỉnh/Thành phố:.....

[12] Điện thoại:..... **[13]** Fax:..... **[14]** E-mail:.....

[15] Hợp đồng dầu khí lô:.....

[16] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[17] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:.....

[18] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[19] Địa chỉ:..... **[19]** Quận/huyện:..... **[20]** Tỉnh/Thành phố:.....

[22] Điện thoại:..... **[23]** Fax:..... **[24]** E-mail:.....

[25] Hợp đồng ủy quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số:..... ngày.....

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế [26]=[26a]+[26b]	[26]	Thùng; m^3	
1.1	*Sản lượng xuất khẩu*	*[26a]*	*Thùng; m^3*	
1.2	*Sản lượng xuất bán tại Việt Nam*	*[26b]*	*Thùng; m^3*	
2	Tổng doanh thu xuất bán trong kỳ tính thuế	[27]	USD; VND	
3	Giá tính thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế [28]=[27]/[26]	[28]	(USD; VND)/ (thùng; m^3)	
4	Thuế tài nguyên bằng dầu khí phải nộp trong kỳ tính thuế	[29]	Thùng; m^3	
5	Số tiền thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ tính thuế [30]=[28]x[29]	[30]	USD; VND	

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
6	Số tiền thuế tài nguyên tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế	[31]	USD; VND	
7	Chênh lệch giữa số tiền thuế phải nộp theo quyết toán với số đã kê khai trong kỳ tính thuế [32]=[30]-[31]	[32]	USD; VND	
8	Tỷ giá quy đổi	[33]	VND/USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

- Trường hợp Liên doanh khai thác đồng thời dầu thô, condensate và khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.

- Trường hợp dầu thô, condensate, khí thiên nhiên bán tại thị trường Việt Nam hoặc Chính phủ có quy định khác thì đồng tiền nộp thuế là đồng Việt Nam; tỷ giá quy đổi thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán.

- USD: đô la Mỹ; VND: đồng Việt Nam.

Mẫu số: **02-1/TAIN-VSP**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG KÊ SẢN LƯỢNG VÀ DOANH THU XUẤT BÁN DẦU KHÍ

(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên mẫu 02/TAIN-VSP)

[01] Dầu thô: □ **[02]** Condensate: □ **[03]** Khí thiên nhiên: □

[04] Kỳ tính thuế: Năm...

[04a] Lần đầu □ **[04b]** Bổ sung lần thứ:...

[05] Tên người nộp thuế:.....

[06] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[07] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:.....

[08] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

STT	Khai thác dầu khí		Xuất bán dầu khí				Ghi chú
	Ngày tháng	Sản lượng (thùng hoặc m^3)	Ngày tháng	Sản lượng (thùng hoặc m^3)	Giá tính thuế tài nguyên tạm tính	Doanh thu (USD; VND)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (6)x(5)	(8)
Xuất bán trong nước							
1							
2							
3							
4							
Bán xuất khẩu							
1							
2							
3							
	Tổng cộng						

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

Trường hợp Liên doanh khai thác đồng thời dầu thô, condensate, khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.

Mẫu số: **02/TNDN-VSP**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

[01] Dầu thô: □ **[02]** Condensate: □ **[03]** Khí thiên nhiên: □

[04] Kỳ tính thuế: Năm...

[05] Lần đầu □ **[06]** Bổ sung lần thứ:...

[07] Tên người nộp thuế:.....

[08] Mã số thuế: □□□□□□□□□□ □□□

[09] Địa chỉ:..... **[10]** Quận/huyện:..... **[11]** Tỉnh/Thành phố:.....

[12] Điện thoại:..... **[13]** Fax:..... **[14]** E-mail:.....

[15] Hợp đồng dầu khí lô:.....

[16] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

□□□□□□□□□□ □□□

[17] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:.....

[18] Mã số thuế: □□□□□□□□□□ □□□

[19] Địa chỉ:..... **[20]** Quận/huyện:..... **[21]** Tỉnh/Thành phố:.....

[22] Điện thoại:..... **[23]** Fax:..... **[24]** E-mail:.....

[25] Hợp đồng ủy quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số:..... ngày.....

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	**Thuế TNDN đối với dầu khí xuất bán**			
1	Tổng doanh thu chịu thuế TNDN trong kỳ tính thuế	**[26]**	USD; VND	
2	Tổng chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế	**[27]**	USD; VND	
3	Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế [28]=[26]-[27]	**[28]**	USD; VND	
4	Thuế suất thuế TNDN (50%)	**[29]**	%	
5	Số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động dầu khí [30]=[28]x[29]	**[30]**	USD; VND	

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
II	**Thuế TNDN đối với thu nhập từ tiền kết dư của phần dầu để lại**			
1	Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế	**[31]**	USD; VND	
2	Thuế suất thuế TNDN (50%)	**[32]**	%	
3	Số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ tiền kết dư của phần dầu để lại [33]=[31]x[32]	**[33]**	USD; VND	
III	**Số tiền thuế TNDN phải nộp trong kỳ tính thuế [34]=[30]+[33]**	**[34]**	USD; VND	
IV	**Số tiền thuế TNDN tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế**	**[35]**	USD; VND	
V	**Chênh lệch giữa số tiền phải nộp theo quyết toán với số đã kê khai trong kỳ tính thuế [36]=[34]-[35]**	**[36]**	USD; VND	
	Tỷ giá quy đổi	**[37]**	VND/USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

- Trường hợp Liên doanh khai thác đồng thời dầu thô, condensate, khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.

- Trường hợp dầu thô, condensate, khí thiên nhiên bán tại thị trường Việt Nam hoặc Chính phủ có quy định khác thì đồng tiền nộp thuế là đồng Việt Nam; tỷ giá quy đổi thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán.

- USD: đô la Mỹ; VND: đồng Việt Nam.

Mẫu số: **01/ĐCĐB-VSP**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐIỀU CHỈNH THUẾ ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI KHÍ THIÊN NHIÊN

[01] Kỳ tính thuế: Năm...

[01a] Lần đầu □ **[01b]** Bổ sung lần thứ:...

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[04] Địa chỉ:..... **[05]** Quận/huyện:..... **[06]** Tỉnh/Thành phố:.....

[07] Điện thoại:..... **[08]** Fax:..... **[09]** E-mail:.....

[10] Hợp đồng dầu khí lô:.....

[11] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[12] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:.....

[13] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[14] Địa chỉ:..... **[15]** Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/Thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** E-mail:.....

[20] Hợp đồng ủy quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số:..... ngày:.....

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Số tiền thuế đặc biệt phải nộp trong kỳ tính thuế	**[21]**	(USD; VND)	
2	Số tiền thuế đặc biệt tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế	**[22]**	(USD; VND)	
3	Chênh lệch giữa số tiền thuế đặc biệt phải nộp với số đã kê khai trong kỳ tính thuế [23]=[21]-[22]	**[23]**	(USD; VND)	
4	Tỷ giá quy đổi	**[24]**	VND/USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú: *USD: đô la Mỹ; VND: đồng Việt Nam.*

Mẫu số: **02/PTHU-VSP**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHỤ THU

[01] Dầu thô: □ **[02]** Condensate: □
[03] Kỳ tính thuế: Năm...
[04] Lần đầu □ **[05]** Bổ sung lần thứ:...

[06] Tên người nộp thuế:.....
[07] Mã số thuế: □□□□□□□□□□ □□□
[08] Địa chỉ:..... **[09]** Quận/huyện:..... **[10]** Tỉnh/Thành phố:.....
[11] Điện thoại:..... **[12]** Fax:..... **[13]** E-mail:.....
[14] Hợp đồng dầu khí lô:.....
[15] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:
□□□□□□□□□□ □□□
[16] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:.....
[17] Mã số thuế: □□□□□□□□□□ □□□
[18] Địa chỉ:..... **[19]** Quận/huyện:..... **[20]** Tỉnh/Thành phố:.....
[21] Điện thoại:..... **[22]** Fax:..... **[23]** E-mail:.....
[24] Hợp đồng ủy quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số:..... ngày.....

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tổng số phụ thu tạm tính đối với dầu lãi theo từng lần xuất bán.	**[25]**	USD	
2	Số phụ thu đối với dầu lãi từ số tiền kết dư của phần dầu để lại.	**[26]**	USD	
3	Tổng số phụ thu phải nộp trong kỳ tính thuế [27] = [25]+[26]	**[27]**	USD	
4	Tổng số phụ thu tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế	**[28]**	USD	
5	Chênh lệch giữa số phụ thu phải nộp theo quyết toán với số phụ thu đã kê khai trong kỳ tính thuế	**[29]**	USD	
6	Tỷ giá quy đổi	**[30]**	VND/USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
Họ và tên:.....	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Chứng chỉ hành nghề số:.....	*(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)*

Ghi chú:

- Trường hợp Liên doanh khai thác đồng thời dầu thô, condensate thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.

- Trường hợp dầu thô, condensate bán tại thị trường Việt Nam hoặc Chính phủ có quy định khác thì đồng tiền nộp thuế là đồng Việt Nam; tỷ giá quy đổi thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán.

- USD: đô la Mỹ; VND: đồng Việt Nam.

Mẫu số: **02-1/PTHU-VSP**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG KÊ SỐ PHỤ THU TẠM TÍNH ĐÃ NỘP

(Kèm theo Tờ khai quyết toán phụ thu mẫu số 02/PTHU-VSP)

[01] Dầu thô: □ **[02]** Condensate: □

[03] Kỳ tính thuế: Năm....

[03a] Lần đầu □ **[03b]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[06] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:.....

[07] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

STT	Số lần xuất bán thứ	Ngày xuất bán	Ngày/tháng tờ khai phụ thu tạm tính	Số phụ thu tạm tính đã nộp		Ghi chú
				USD	VNĐ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I. Đối với Phụ thu tạm tính theo từng lần xuất bán						
1						
2						
3						
II. Phụ thu tạm tính đối với dầu lãi từ tiền kết dư						
1						
2						
Tổng cộng						

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú: *Số phụ thu tạm tính đã nộp ghi đồng tiền thực nộp vào NSNN.*

Mẫu số: **02/LNCN-VSP**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN TIỀN LÃI DẦU, KHÍ NƯỚC CHỦ NHÀ
(Liên doanh Việt - Nga "Vietsovpetro")

[01] Dầu thô: □ **[02]** Condensate: □ **[03]** Khí thiên nhiên: □

[04] Kỳ tính thuế: Năm...

[05] Lần đầu □ **[06]** Bổ sung lần thứ:...

[07] Tên người nộp thuế:.....

[08] Mã số thuế người nộp thuế: □□□□□□□□□□ □□□

[09] Hợp đồng dầu khí lô:.....

[10] Mã số thuế hợp đồng dầu khí: □□□□□□□□□□

[11] Địa chỉ nhà điều hành PSC:.....

[12] Quận/huyện:..... **[13]** Tỉnh/Thành phố:.....

[14] Điện thoại:..... **[15]** Fax:..... **[16]** E-mail:.....

[17] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:.....

[18] Mã số thuế đơn vị được ủy quyền/đại lý thuế: □□□□□□□□□□ □□□

[19] Địa chỉ:..... **[20]** Quận/huyện:..... **[21]** Tỉnh/Thành phố:.....

[22] Điện thoại:..... **[23]** Fax:..... **[24]** E-mail:.....

[25] Hợp đồng ủy quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số:..... ngày.....

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	**Tiền lãi dầu khí đối với dầu khí xuất bán**			
1	Sản lượng dầu, khí xuất bán trong kỳ tính thuế	[26]	Thùng; m^3	
2	Sản lượng dầu thô, khí thiên nhiên xuất bán quy đổi	[27]	Tấn/MMBTU/GJ	
3	Hệ số quy đổi	[28]	Thùng/tấn; m^3/MMBTU; m^3/GJ	
4	Giá bán	[29]	USD/thùng; USD/m^3	
5	Doanh thu xuất bán trong kỳ tính thuế	[30]	USD; VND	
6	Thuế tài nguyên phải nộp	[31]	USD; VND	

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
7	Thuế xuất khẩu/Thuế đặc biệt phải nộp	[32]	USD; VND	
8	Số phụ thu phải nộp	[33]	USD; VND	
9	Các loại thuế khác (nếu có)	[34]	USD; VND	
10	Chi phí để lại theo thực tế	[35]	USD; VND	
11	Chi phí khác	[36]	USD; VND	
12	Lợi nhuận trước thuế [37]=[30]-[31]-...-[36]	[37]	USD; VND	
13	Thuế suất thuế TNDN	[38]	%	
14	Thuế TNDN phải nộp [39]=[37]x[38]	[39]	USD; VND	
15	Lợi nhuận sau thuế theo quyết toán [40]=[37]-[39]	[40]	USD; VND	
16	Tỷ lệ chia cho nước chủ nhà	[41]	%	
17	Lãi dầu, khí được chia của nước chủ nhà theo quyết toán [42]=[40]x[41]	[42]	USD;VND	
17.1	*Tỷ lệ (%) nộp ngân sách*	*[43]*	*%*	
17.2	*Tỷ lệ (%) để lại Công ty mẹ - PVN*	*[44]*	*%*	
17.3	*Số tiền lãi phải nộp ngân sách theo quyết toán [45] = [42] x [43]*	*[45]*	*USD; VND*	
17.4	*Số tiền nộp về Công ty mẹ - PVN [46] = [42] x [44]*	*[46]*	*USD; VND*	
II	**Tiền lãi dầu khí đối với tiền kết dư**		USD; VND	
1	Số tiền kết dư của phần dầu khí để lại	[47]	USD; VND	
1.1	*Tiền kết dư phần dầu khí để lại theo giá kế hoạch không sử dụng hết*	[47a]	USD; VND	
1.2	*Tiền kết dư phần chênh lệch giá dầu khí thực tế cao hơn giá kế hoạch*	[47b]	USD; VND	
2	Số phụ thu phải nộp	[48]	USD; VND	
3	Thuế TNDN phải nộp	[49]	USD; VND	
4	Lợi nhuận sau thuế [50]=[47]-[48]-[49]	[50]	USD; VND	
5	Tỷ lệ chia cho nước chủ nhà	[51]	%	
6	Tiền lãi dầu, khí được chia của nước chủ nhà [52]=[50]x[51]	[52]	USD; VND	
6.1	*Tỷ lệ (%) nộp ngân sách*	*[53]*	*%*	
6.2	*Tỷ lệ (%) để lại Công ty mẹ - PVN*	*[54]*	*%*	

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
6.3	*Số tiền nộp trực tiếp vào ngân sách [55] = [52] x [53]*	*[55]*	*USD; VND*	
6.4	*Số tiền nộp về Công ty mẹ - PVN [56] = [52] x [54]*	*[56]*	*USD; VND*	
III	**Lãi dầu, khí phải nộp ngân sách [57]=[45]+[55]**	[57]	USD; VND	
IV	**Số tiền lãi dầu, khí tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế**	[58]	USD; VND	
V	**Chênh lệch giữa số tiền còn phải nộp theo quyết toán với số đã kê khai trong kỳ tính thuế [59] = [57] - [58]**	[59]	USD; VND	
VI	**Tỷ giá quy đổi**	[60]	VND/USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

- Chỉ tiêu [07]: Tên người nộp thuế là Tên người nộp thuế là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Lô 09.1).

- Trường hợp Liên doanh khai thác đồng thời dầu thô, condensate, khí thiên nhiên và phát sinh số kết dư của cả 3 sản phẩm thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.

- Trường hợp dầu thô, condensate, khí thiên nhiên bán tại thị trường Việt Nam hoặc Chính phủ có quy định khác thì đồng tiền nộp thuế là đồng Việt Nam; tỷ giá quy đổi thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán.

- USD: đô la Mỹ; VND: đồng Việt Nam.

Mẫu số: **01/TAIN-DK**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN TẠM TÍNH ĐỐI VỚI DẦU KHÍ

[01] Dầu thô: □ **[02]** Condensate: □ **[03]** Khí thiên nhiên: □
[04] Kỳ tính thuế: Ngày... tháng... năm... Hoặc tháng... năm...
[05] Lần xuất bán thứ:...
[06] Lần đầu □ **[07]** Bổ sung lần thứ:...
[08] Xuất khẩu □ **[09]** Xuất bán tại Việt Nam □
[10] Ngày xuất hóa đơn đối với xuất bán tại Việt Nam:.../.../....

[11] Tên người nộp thuế:.....
[12] Mã số thuế: □□□□□□□□□□ □□□
[13] Địa chỉ:..... **[14]** Quận/huyện:..... **[15]** Tỉnh/Thành phố:.....
[16] Điện thoại:..... **[17]** Fax:..... **[18]** E-mail:.....
[19] Hợp đồng dầu khí lô:.....
[20] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:.....
[21] Mã số thuế: □□□□□□□□□□ □□□
[22] Địa chỉ:..... **[23]** Quận/huyện:..... **[24]** Tỉnh/Thành phố:.....
[25] Điện thoại:..... **[26]** Fax:..... **[27]** E-mail:.....
[28] Hợp đồng ủy quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số:..... **[29]** Ngày:.....

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu khí xuất bán	**[30]**	Thùng; m^3	
	Sản lượng dầu thô, khí thiên nhiên xuất bán quy đổi	***[30a]***	*Tấn/MMBTU/GJ*	
	Hệ số quy đổi	***[30b]***	*Thùng/tấn; m^3/MMBTU; m^3/GJ*	
2	Giá tính thuế tài nguyên tạm tính	**[31]**	USD/thùng; USD/m^3	
3	Doanh thu	**[32]**	USD; VND	
4	Tỷ lệ thuế tài nguyên tạm tính	**[33]**	%	
5	Số tiền thuế tài nguyên tạm tính phải nộp [34]=[32]x[33]	**[34]**	USD; VND	
6	Tỷ giá quy đổi	**[35]**	VND/USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
Họ và tên:.....	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Chứng chỉ hành nghề số:.....	*(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)*

Ghi chú:

- Chỉ tiêu [04]: Kỳ tính thuế là ngày, tháng, năm là ngày xuất bán đối với dầu thô; Kỳ tính thuế là tháng, năm là tháng xuất bán đối với khí thiên nhiên.

- Chỉ tiêu [11]: Tên người nộp thuế là tên người điều hành, doanh nghiệp liên doanh, công ty điều hành chung.

- Trường hợp một NNT khai thác đồng thời dầu thô, condensate và khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.

- Trường hợp dầu thô, condensate, khí thiên nhiên bán tại thị trường Việt Nam hoặc Chính phủ có quy định khác thì đồng tiền nộp thuế là đồng Việt Nam; tỷ giá quy đổi thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán.

- USD: đô la Mỹ; VND: đồng Việt Nam.

Mẫu số: **01/TNDN-DK**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠM TÍNH ĐỐI VỚI DẦU KHÍ

[01] Dầu thô: □ **[02]** Condensate: □ **[03]** Khí thiên nhiên: □

[04] Kỳ tính thuế: Ngày.... tháng.... năm.... Hoặc tháng.... năm....

[05] Lần xuất bán thứ:...

[06] Lần đầu □ **[07]** Bổ sung lần thứ:...

[08] Xuất khẩu □ **[09]** Xuất bán tại Việt Nam □

[10] Ngày xuất hóa đơn đối với xuất bán tại Việt Nam:.../.../....

[11] Tên người nộp thuế:.....

[12] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[13] Địa chỉ:..... **[14]** Quận/huyện:..... **[15]** Tỉnh/Thành phố:.....

[16] Điện thoại:..... **[17]** Fax:..... **[18]** E-mail:.....

[19] Hợp đồng dầu khí lô:.....

[20] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:.....

[21] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[22] Địa chỉ:..... **[23]** Quận/huyện:..... **[24]** Tỉnh/Thành phố:.....

[25] Điện thoại:..... **[26]** Fax:..... **[27]** E-mail:.....

[28] Hợp đồng ủy quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số:..... ngày:.....

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu khí xuất bán	**[29]**	Thùng; m^3	
	Sản lượng dầu thô, khí thiên nhiên xuất bán quy đổi	***[29a]***	*Tấn/MMBTU/GJ*	
	Hệ số quy đổi	***[29b]***	*Thùng/tấn; m^3/MMBTU; m^3/GJ*	
2	Giá bán	**[30]**	USD/*thùng; USD/m^3*	
3	Doanh thu	**[31]**	USD; VND	
4	Tỷ lệ thuế TNDN tạm tính	**[32]**	%	
5	Thu nhập khác liên quan trực tiếp đến hoạt động dầu khí	**[33]**	USD; VND	

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
6	Thuế suất thuế TNDN hoạt động dầu khí	**[34]**	%	
7	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp [35]=[31]x[32]+[33]x[34]	**[35]**	USD; VND	
6	Số thuế TNDN được miễn hoặc giảm (nếu có)	**[36]**	USD; VND	
7	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp sau khi miễn hoặc giảm (nếu có) [37]= [35]-[36]	**[37]**	USD; VND	
8	Tỷ giá quy đổi	**[38]**	VND/USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

- Chỉ tiêu[04]: Kỳ tính thuế là ngày, tháng, năm là ngày xuất bán đối với dầu thô; Kỳ tính thuế là tháng, năm là tháng xuất bán đối với khí thiên nhiên.

- Chỉ tiêu [11]: Tên người nộp thuế là tên người điều hành, doanh nghiệp liên doanh, công ty điều hành chung.

- Trường hợp một NNT khai thác đồng thời dầu thô, condensate và khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.

- Trường hợp dầu thô, condensate, khí thiên nhiên bán tại thị trường Việt Nam hoặc Chính phủ có quy định khác thì đồng tiền nộp thuế là đồng Việt Nam; tỷ giá quy đổi thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán.

- USD: đô la Mỹ; VND: đồng Việt Nam.

Mẫu số: **01/LNCN-PSC**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI TẠM TÍNH TIỀN LÃI DẦU, KHÍ NƯỚC CHỦ NHÀ
(Hợp đồng dầu khí Lô...)

[01] Dầu thô: □ **[02]** Condensate: □ **[03]** Khí thiên nhiên: □

[04] Kỳ tính thuế: Ngày... tháng... năm... Hoặc tháng... năm...

[05] Lần đầu □ **[06]** Bổ sung lần thứ:...

[07] Tên người nộp thuế:.....

[08] Mã số thuế người nộp thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[09] Hợp đồng dầu khí (PSC) lô:.....

[10] Mã số thuế hợp đồng dầu khí: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐

[11] Địa chỉ nhà điều hành PSC:.....

[12] Quận/huyện:..... **[13]** Tỉnh/Thành phố:.....

[14] Điện thoại:..... **[15]** Fax:..... **[16]** E-mail:.....

[17] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:.....

[18] Mã số thuế đơn vị được ủy quyền/đại lý thuế:

☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[19] Địa chỉ:..... **[20]** Quận/huyện:..... **[21]** Tỉnh/Thành phố:.....

[22] Điện thoại:..... **[23]** Fax:..... **[24]** E-mail:.....

[25] Hợp đồng ủy quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số:..... ngày.....

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu, khí xuất bán	**[26]**	Thùng; m^3	
2	Sản lượng dầu thô, khí thiên nhiên xuất bán quy đổi	**[27]**	Tấn/MMBTU/GJ	
3	Hệ số quy đổi	**[28]**	Thùng/tấn; m^3/MMBTU; m^3/GJ	
4	Giá bán	**[29]**	USD/thùng; USD/m^3	
5	Doanh thu thực hiện	**[30]**	USD; VND	
6	Thuế tài nguyên tạm tính phải nộp	**[31]**	USD; VND	
7	Thuế xuất khẩu	**[32]**	USD; VND	
8	Các loại thuế khác (nếu có)	**[33]**	USD; VND	
9	Dầu thu hồi chi phí	**[34]**	USD; VND	

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
10	Chi phí được trừ khác	**[35]**	USD; VND	
11	Lợi nhuận trước thuế [36]=[30]-[31]-...-[35]	**[36]**	USD; VND	
12	Thuế suất thuế TNDN tạm nộp	**[37]**	%	
13	Thuế TNDN tạm nộp [38]=[36]x[37]	**[38]**	USD; VND	
14	Lãi dầu, khí sau thuế [39]=[36]-[38]	**[39]**	USD; VND	
15	Tỷ lệ chia cho nước chủ nhà	**[40]**	%	
16	Lãi dầu, khí sau thuế của nước chủ nhà [41]=[39]x[40]	**[41]**	USD; VND	
17	1,5% phí quản lý, giám sát các Hợp đồng dầu khí [42] = [41] x 1,5%	**[42]**	USD; VND	
18	Lãi dầu, khí nước chủ nhà còn lại [43]= [41] - [42]	**[43]**	USD; VND	
18.1	*Tỷ lệ (%) nộp ngân sách*	***[44]***	*%*	
18.2	*Tỷ lệ (%) để lại Công ty mẹ - PVN*	***[45]***	*%*	
18.3	*Số tiền nộp trực tiếp vào ngân sách [46] = [43] x [44]*	***[46]***	*USD; VND*	
18.4	*Số tiền nộp về Công ty mẹ - PVN [47] = [43] x [45]*	***[47]***	*USD; VND*	
19	Tỷ giá quy đổi (nếu có)	**[48]**	VND/USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(*Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử*)

Ghi chú:

- Chỉ tiêu [04]: Kỳ tính thuế là ngày, tháng, năm là ngày xuất bán đối với dầu thô; Kỳ tính thuế là tháng, năm là tháng xuất bán đối với khí thiên nhiên.

- Chỉ tiêu [07]: Tên người nộp thuế là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Lô...).

- Trường hợp một NNT khai thác đồng thời dầu thô, condensate và khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.

- Trường hợp dầu thô, condensate, khí thiên nhiên bán tại thị trường Việt Nam hoặc Chính phủ có quy định khác thì đồng tiền nộp thuế là đồng Việt Nam; tỷ giá quy đổi thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán.

- USD: đô la Mỹ; VND: đồng Việt Nam.

Mẫu số: **01/PTHU-DK**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI PHỤ THU TẠM TÍNH

[01] Dầu thô: □ **[02]** Condensate: □

[03] Kỳ tính thuế: Quý thứ... năm...

[03a] Lần đầu □ **[03b]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: □□□□□□□□□□ □□□

[06] Địa chỉ:..... **[07]** Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/Thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** E-mail:.....

[12] Hợp đồng dầu khí lô:.....

[13] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:.....

[14] Mã số thuế: □□□□□□□□□□ □□□

[15] Địa chỉ:..... **[16]** Quận/huyện:..... **[17]** Tỉnh/Thành phố:.....

[18] Điện thoại:..... **[19]** Fax:..... **[20]** E-mail:.....

[21] Hợp đồng ủy quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số:..... **[22]** Ngày.....

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
1	Sản lượng dầu lãi được chia tạm tính	**[23]**	Thùng	
2	Giá cơ sở của năm	**[24]**	USD/thùng	
3	Giá bán dầu thô trung bình	**[25]**	USD/thùng	
4	Xác định số phụ thu tạm tính:			
4.1	Đối với dự án dầu khí khuyến khích đầu tư:	**[26]**	USD	
	[26] = 30%*{[25]-1,2*[24]}*[23]			
4.2	Đối với các dự án dầu khí không thuộc khoản 4.1:			
	a) Trường hợp {1,2*[24]} < [25] ≤ {1,5*[24]}:	**[27]**	USD	
	[27] = 50%*{[25]-1,2*[24]}*[23]			
	b) Trường hợp [25] > {1,5*[24]}:			
	- Phụ thu theo mức 50% [28] = 50%*{1,5*[24]-1,2*[24]}*[23]	**[28]**	USD	
	- Phụ thu theo mức 60% [29] = 60%*{[25]-1,5*[24]}*[23]	**[29]**	USD	

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
5	Số phụ thu tạm tính phải nộp:	**[30]**	USD	
	a) Đối với trường hợp thuộc khoản 4.1: [30] = [26]			
	b) Đối với trường hợp thuộc điểm a khoản 4.2: [30] = [27]			
	c) Đối với trường hợp thuộc điểm b khoản 4.2: [30] = [28]+[29]			
6	Tỷ giá quy đổi	**[31]**	USD/VNĐ	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

- Chỉ tiêu [23] do người nộp phụ thu tự xác định.

- Trường hợp dầu thô, condensate bán tại thị trường Việt Nam hoặc Chính phủ có quy định khác thì đồng tiền nộp phụ thu là đồng Việt Nam; tỷ giá quy đổi thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán.

Mẫu số: **02/TAIN-DK**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TÀI NGUYÊN ĐỐI VỚI DẦU KHÍ

[01] Dầu thô: □ **[02]** Condensate: □ **[03]** Khí thiên nhiên: □
[04] Kỳ tính thuế: Năm...
[05] Lần đầu □ **[06]** Bổ sung lần thứ:...

[07] Tên người nộp thuế:.....
[08] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[09] Địa chỉ:..... **[10]** Quận/huyện:..... **[11]** Tỉnh/Thành phố:.....
[12] Điện thoại:..... **[13]** Fax:..... **[14]** E-mail:.....
[15] Hợp đồng dầu khí lô:.....
[16] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:.....
[17] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[18] Địa chỉ:..... **[19]** Quận/huyện:..... **[20]** Tỉnh/Thành phố:.....
[21] Điện thoại:..... **[22]** Fax:..... **[23]** E-mail:.....
[24] Hợp đồng ủy quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số:..... ngày.....

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	**Số ngày khai thác dầu khí trong kỳ tính thuế**	**[25]**	Ngày	
II	**Sản lượng:**			
1	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên kỳ tính thuế trước chuyển sang	**[26]**	Thùng; m^3	
2	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế	**[27]**	Thùng; m^3	
3	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên thực tế bán trong kỳ tính thuế [28]=[28a]+[28b]	**[28]**	Thùng; m^3	
3.1	- Xuất khẩu	**[28a]**	Thùng; m^3	
3.2	- Tiêu thụ nội địa	**[28b]**	Thùng; m^3	
4	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên chuyển sang kỳ tính thuế sau [29]=[26]+[27]-[28]	**[29]**	Thùng; m^3	
5	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên bình quân/ngày trong kỳ tính thuế [30]=[27]/[25]	**[30]**	Thùng; m^3	
III	**Tổng doanh thu xuất bán trong kỳ tính thuế**	**[31]**	USD; VND	
IV	**Tỷ lệ thuế tài nguyên bằng dầu khí trong kỳ tính thuế**	**[32]**	%	
V	**Thuế tài nguyên tính bằng dầu khí**			
1	Thuế tài nguyên bằng dầu khí chưa bán kỳ tính thuế trước chuyển sang	**[33]**	Thùng; m^3	

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
2	Thuế tài nguyên bằng dầu khí phải nộp trong kỳ tính thuế [34]=[27]x[32]	**[34]**	Thùng; m^3	
3	Thuế tài nguyên bằng dầu khí bán trong kỳ tính thuế [35]=[33]+([28]-[26])x[32]	**[35]**	Thùng; m^3	
4	Thuế tài nguyên bằng dầu khí chưa bán chuyển sang kỳ tính thuế sau [36]=[33]+[34]-[35]	**[36]**	Thùng; m^3	
VI	**Giá tính thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế [37]=[31]/[28]**	**[37]**	(USD; VND)/ (thùng; m^3)	
VII	**Số tiền thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ tính thuế [38]=[39]+[40]**	**[38]**	USD; VND	
1	Số tiền thuế tài nguyên kỳ trước chuyển sang [39]=[33]x[37]	**[39]**	USD; VND	
2	Số tiền thuế tài nguyên phát sinh trong kỳ tính thuế [40]=([35]-[33])x [37]	**[40]**	USD; VND	
VIII	**Số tiền thuế tài nguyên tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế**	**[41]**	USD; VND	
IX	**Chênh lệch giữa số tiền phải nộp theo quyết toán với số đã kê khai trong kỳ tính thuế [42]=[38]-[41]**	**[42]**	USD; VND	
X	**Tỷ giá quy đổi**	**[43]**	VND/USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

- Chỉ tiêu [07]: Tên người nộp thuế là tên người điều hành, doanh nghiệp liên doanh, công ty điều hành chung.

- Trường hợp một NNT khai thác đồng thời dầu thô, condensate và khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.

- Trường hợp dầu thô, condensate, khí thiên nhiên bán tại thị trường Việt Nam hoặc Chính phủ có quy định khác thì đồng tiền nộp thuế là đồng Việt Nam; tỷ giá quy đổi thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán.

- USD: đô la Mỹ; VND: đồng Việt Nam.

Mẫu số: **02-1/PL-DK**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

SẢN LƯỢNG VÀ DOANH THU XUẤT BÁN DẦU KHÍ

(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí mẫu số 02/TAIN-DK)

[01] Dầu thô: □ **[02]** Condensate: □ **[03]** Khí thiên nhiên: □

[04] Kỳ tính thuế: Năm...

[04a] Lần đầu □ **[04b]** Bổ sung lần thứ:...

[05] Tên người nộp thuế:.....

[06] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[07] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:.....

[08] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

STT	Đơn vị tính sản lượng (thùng, m^3)	Khai thác dầu khí		Xuất bán dầu khí				Ghi chú
		Ngày, tháng, năm	Sản lượng	Ngày, tháng, năm	Sản lượng	Giá tính thuế tài nguyên tạm tính (USD)	Doanh thu (USD; VND)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2								
3								
4								
5								
6								
7								
Tổng cộng								

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

- Chỉ tiêu [05]: Tên người nộp thuế là tên người điều hành, doanh nghiệp liên doanh, công ty điều hành chung.

Mẫu số: **02/TNDN-DK**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI DẦU KHÍ

[01] Dầu thô: □ **[02]** Condensate: □ **[03]** Khí thiên nhiên: □
[04] Kỳ tính thuế: Năm...
[05] Lần đầu □ **[06]** Bổ sung lần thứ:...

[07] Tên người nộp thuế:.....
[08] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[09] Địa chỉ:..... **[10]** Quận/huyện:..... **[11]** Tỉnh/Thành phố:.....
[12] Điện thoại:..... **[13]** Fax:..... **[14]** E-mail:.....
[15] Hợp đồng dầu khí lô:.....
[16] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:.....
[17] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[18] Địa chỉ:..... **[19]** Quận/huyện:..... **[20]** Tỉnh/Thành phố:.....
[21] Điện thoại:..... **[22]** Fax:..... **[23]** E-mail:.....
[24] Hợp đồng ủy quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số:..... ngày.....

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A	**Xác định thu nhập chịu thuế theo thuế suất hợp đồng dầu khí**			
1	Tổng doanh thu chịu thuế TNDN trong kỳ tính thuế	**[25]**	USD; VND	
2	Tổng chi phí được phép thu hồi lũy kế	**[26]**	USD; VND	
3	Chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế: [27] = [27a]+[27b]	**[27]**	USD; VND	
3.1	*+ Chi phí được phép thu hồi trong năm quyết toán*	***[27a]***	*USD; VND*	
3.2	*+ Chi phí được trừ khác*	***[27b]***	*USD; VND*	
4	Tổng chi phí đã thu hồi luỹ kế đến hết năm quyết toán	**[28]**	*USD; VND*	
5	Tổng chi phí còn được phép thu hồi chuyển sang kỳ sau [29]=[26]-[28]	**[29]**	USD; VND	

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
6	Thu nhập từ hoạt động dầu khí [30]=[25]-[27]	**[30]**	USD; VND	
7	Thu nhập khác liên quan trực tiếp đến hoạt động dầu khí	**[31]**	USD; VND	
8	Tổng thu nhập chịu thuế [32]=[30]+[31]	**[32]**	USD; VND	
9	Thuế suất thuế TNDN hoạt động dầu khí	**[33]**	%	
B	**Xác định thu nhập chịu thuế hoạt động khác**			
10	Thu nhập chịu thuế hoạt động khác	**[34]**	USD; VND	
11	Thuế suất thuế TNDN hoạt động khác	**[35]**	%	
C	**Xác định thuế TNDN phải nộp**			
12	Số thuế TNDN phải nộp [36]=[32]x[33]+[34]x[35]	**[36]**	USD; VND	
13	Số thuế TNDN được miễn hoặc giảm	**[37]**	USD; VND	
14	Số thuế TNDN phải nộp theo quyết toán [38]=[36]-[37]	**[38]**	USD; VND	
15	Số thuế TNDN tạm tính đã kê khai trong kỳ	**[39]**	USD; VND	
16	Chênh lệch giữa số thuế TNDN phải nộp theo quyết toán với số đã kê khai trong kỳ tính thuế [40]=[38]-[39]	**[40]**	USD; VND	
17	Tỷ giá quy đổi	**[41]**	VND/USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

- Chỉ tiêu [07]: Tên người nộp thuế là tên người điều hành, doanh nghiệp liên doanh, công ty điều hành chung.

- Trường hợp một NNT khai thác đồng thời dầu thô, condensate và khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.

- Trường hợp dầu thô, condensate, khí thiên nhiên bán tại thị trường Việt Nam hoặc Chính phủ có quy định khác thì đồng tiền nộp thuế là đồng Việt Nam; tỷ giá quy đổi thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán.

- USD: đô la Mỹ; VND: đồng Việt Nam.

Mẫu số: **02/PTHU-DK**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHỤ THU

(Áp dụng đối với dự án dầu khí khuyến khích đầu tư)

[01] Dầu thô: □ **[02]** Condensate: □

[03] Kỳ tính thuế: Năm...

[03a] Lần đầu □ **[03b]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Địa chỉ:..... **[07]** Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/Thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** E-mail:.....

[12] Hợp đồng dầu khí lô:.....

[13] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:.....

[14] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[15] Địa chỉ:..... **[16]** Quận/huyện:..... **[17]** Tỉnh/Thành phố:.....

[18] Điện thoại:..... **[19]** Fax:..... **[20]** E-mail:.....

[21] Hợp đồng ủy quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số:..... **[22]** Ngày.....

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Giá cơ sở của kỳ tính thuế	**[23]**	USD/thùng	
2	Sản lượng dầu lãi được chia theo quý trong kỳ tính thuế			
	a) Quý I:	**[24]**	Thùng	
	b) Quý II:	**[25]**	Thùng	
	c) Quý III:	**[26]**	Thùng	
	d) Quý IV:	**[27]**	Thùng	
3	Giá bán dầu thô trung bình theo quý trong kỳ tính thuế			
	a) Quý I:	**[28]**	USD/thùng	
	b) Quý II:	**[29]**	USD/thùng	
	c) Quý III:	**[30]**	USD/thùng	
	d) Quý IV:	**[31]**	USD/thùng	

STT	Chỉ tiêu		Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)
4	Số phụ thu phải nộp trong kỳ tính thuế: [32] = [33]+[34]+[35]+[36]		**[32]**	USD	
	a) Quý I:	[33] = 30%*{[28]-1,2*[23]}*[24]	**[33]**	USD	
	b) Quý II:	[34] = 30%*{[29]-1,2*[23]}*[25]	**[34]**	USD	
	c) Quý III:	[35] = 30%*{[30]-1,2*[23]}*[26]	**[35]**	USD	
	d) Quý IV:	[36] = 30%*{[31]-1,2*[23]}*[27]	**[36]**	USD	
5	Số phụ thu tạm tính đã kê khai tạm tính theo quý trong kỳ tính thuế: [37]=[38]+[39]+[40]+[41]		**[37]**	USD	
	a) Quý I		**[38]**	USD	
	b) Quý II		**[39]**	USD	
	c) Quý III		**[40]**	USD	
	d) Quý IV		**[41]**	USD	
6	Số phụ thu nộp thừa của kỳ tính thuế trước (nếu có)		**[42]**	USD	
7	Số phụ thu nộp thiếu (hoặc thừa) trong kỳ tính thuế: [43] = [32] - [37] - [42]		**[43]**	USD	
8	Tỷ giá quy đổi		**[44]**	USD/VNĐ	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

- Trường hợp một NNT khai thác đồng thời dầu thô, condensate thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.

- Trường hợp dầu thô, condensate bán tại thị trường Việt Nam hoặc Chính phủ có quy định khác thì đồng tiền nộp thuế là đồng Việt Nam; tỷ giá quy đổi thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán.

- USD: đô la Mỹ; VND: đồng Việt Nam.

Mẫu số: **03/PTHU-DK**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHỤ THU

[01] Dầu thô: □ **[02]** Condensate: □
[03] Kỳ tính thuế: Năm...
[03a] Lần đầu □ **[03b]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:.....
[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[06] Địa chỉ:..... **[07]** Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/Thành phố:.....
[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** E-mail:.....
[12] Hợp đồng dầu khí lô:.....
[13] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:.....
[14] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[15] Địa chỉ:..... **[16]** Quận/huyện:..... **[17]** Tỉnh/Thành phố:.....
[18] Điện thoại:..... **[19]** Fax:..... **[20]** E-mail:.....
[21] Hợp đồng ủy quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số:..... **[22]** Ngày.....

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Giá cơ sở của kỳ tính thuế	**[23]**	USD/thùng	
2	Sản lượng dầu lãi được chia theo quý trong kỳ tính thuế			
	a) Quý I:	**[24]**	thùng	
	b) Quý II:	**[25]**	thùng	
	c) Quý III:	**[26]**	thùng	
	d) Quý IV:	**[27]**	thùng	
3	Giá bán dầu thô trung bình quý trong kỳ tính thuế			
	a) Quý I:	**[28]**	USD/thùng	
	b) Quý II:	**[29]**	USD/thùng	
	c) Quý III:	**[30]**	USD/thùng	
	d) Quý IV:	**[31]**	USD/thùng	
4	Số phụ thu phải nộp trong kỳ tính thuế: [32] = [33]+[38]+[43]+[48]	**[32]**	USD	

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
4.1	Quý I: [33] = [34] hoặc [37]	**[33]**	USD	
	a) Trường hợp {1,2*[23]} < [28] ≤ {1,5*[23]}:	**[34]**	USD	
	[34] = 50%*{[28]-1,2*[23]}*[24]			
	b) Trường hợp [28] > {1,5*[23]}:			
	- Phụ thu theo mức 50% [35] = 50%*{1,5*[23]-1,2*[23]}*[24]	**[35]**	USD	
	- Phụ thu theo mức 60% [36] = 60%*{[28]-1,5*[23]}*[24]	**[36]**	USD	
	- Cả quý: [37] = [35]+[36]	**[37]**	USD	
4.2	Quý II: [38] = [39] hoặc [42]	**[38]**	USD	
	a) Trường hợp {1,2*[23]} < [29] ≤ {1,5*[23]}:	**[39]**	USD	
	[39] = 50%*{[29]-1,2*[23]}*[25]			
	b) Trường hợp [29] > {1,5*[23]}:			
	- Phụ thu theo mức 50% [40] = 50%*{1,5*[23]-1,2*[23]}*[25]	**[40]**	USD	
	- Phụ thu theo mức 60% [41] = 60%*{[29]-1,5*[23]}*[25]	**[41]**	USD	
	- Cả quý: [42] = [40]+[41]	**[42]**	USD	
4.3	Quý III: [43] = [44] hoặc [47]	**[43]**	USD	
	a) Trường hợp {1,2*[23]} < [30] ≤ {1,5*[23]}:	**[44]**	USD	
	[44] = 50%*{[30]-1,2*[23]}*[26]			
	b) Trường hợp [30] > {1,5*[23]}:			
	- Phụ thu theo mức 50% [45] = 50%*{1,5*[23]-1,2*[23]}*[26]	**[45]**	USD	
	- Phụ thu theo mức 60% [46] = 60%*{[30]-1,5*[23]}*[26]	**[46]**	USD	
	- Cả quý: [47] = [45]+[46]	**[47]**	USD	
4.4	Quý IV: [48] = [49] hoặc [52]	**[48]**	USD	
	a) Trường hợp {1,2*[23]} < [31] ≤ {1,5*[23]}:	**[49]**	USD	
	[49] = 50%*{[31]-1,2*[23]}*[27]			
	b) Trường hợp [31] > {1,5*[23]}:			
	- Phụ thu theo mức 50% [50] = 50%*{1,5*[23]-1,2*[23]}*[27]	**[50]**	USD	

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	- Phụ thu theo mức 60% [51] = 60%*{[31]-1,5*[23]}*[27]	**[51]**	USD	
	- Cả quý: [52] = [50]+[51]	**[52]**	USD	
5	Số phụ thu tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế: [53]=[54]+[55]+[56]+[57]	**[53]**	USD	
	a) Quý I	**[54]**	USD	
	b) Quý II	**[55]**	USD	
	c) Quý III	**[56]**	USD	
	d) Quý IV	**[57]**	USD	
6	Số phụ thu nộp thừa của kỳ tính thuế trước (nếu có)	**[58]**	USD	
7	Số phụ thu nộp thiếu (hoặc thừa) trong kỳ tính thuế: [59] = [32]-[53]-[58]	**[59]**	USD	
8	Tỷ giá quy đổi	**[60]**	USD/VNĐ	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

- Trường hợp một NNT khai thác đồng thời dầu thô, condensate thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.

- Trường hợp dầu thô, condensate bán tại thị trường Việt Nam hoặc Chính phủ có quy định khác thì đồng tiền nộp thuế là đồng Việt Nam; tỷ giá quy đổi thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán.

- USD: đô la Mỹ; VND: đồng Việt Nam.

Mẫu số: **04/PTHU-DK**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG KÊ SẢN LƯỢNG VÀ GIÁ BÁN DẦU THÔ KHAI THÁC

(Kèm theo Tờ khai quyết toán phụ thu mẫu số 02/PTHU-DK, 03/PTHU-DK)

[01] Dầu thô: □ **[02]** Condensate: □

[03] Kỳ tính thuế: Năm...

[03a] Lần đầu □ **[03b]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Người nộp phụ thu:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:.....

[07] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

STT	Ngày tháng	Sản lượng dầu thô khai thác (thùng)	Sản lượng dầu thô bán (thùng)	Giá bán (USD/thùng)	Ghi chú
1					
2					
3					
4		.....			
	Tổng cộng				

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Mẫu số: **05/PTHU-DK**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG KÊ SỐ PHỤ THU TẠM TÍNH ĐÃ NỘP

(Kèm theo Tờ khai quyết toán phụ thu mẫu số 02/PTHU-DK, 03/PTHU-DK)

[01] Dầu thô: □ **[02]** Condensate: □

[03] Kỳ tính thuế: Năm...

[03a] Lần đầu □ **[03b]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Người nộp phụ thu:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:.....

[07] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

STT	Tờ khai phụ thu tạm tính	Số phụ thu tạm tính đã nộp		Ghi chú
		USD	VND	
1				
2				
3				
4	.....			
	Tổng số			

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Mẫu số: **02/LNCN-PSC**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN TIỀN LÃI DẦU, KHÍ NƯỚC CHỦ NHÀ
(Hợp đồng dầu khí Lô...)

[01] Dầu thô: □ **[02]** Condensate: □ **[03]** Khí thiên nhiên: □

[04] Kỳ tính thuế: Năm...

[05] Lần đầu □ **[06]** Bổ sung lần thứ:...

[07] Tên người nộp thuế:.....

[08] Mã số thuế người nộp thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[09] Hợp đồng dầu khí (PSC) lô:.....

[10] Mã số thuế hợp đồng dầu khí: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐

[11] Địa chỉ nhà điều hành PSC:.....

[12] Quận/huyện:..... **[13]** Tỉnh/Thành phố:.....

[14] Điện thoại:..... **[15]** Fax:..... **[16]** E-mail:.....

[17] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:.....

[18] Mã số thuế đơn vị được ủy quyền/đại lý thuế:

☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[19] Địa chỉ:..... **[20]** Quận/huyện:..... **[21]** Tỉnh/Thành phố:.....

[22] Điện thoại:..... **[23]** Fax:..... **[24]** E-mail:.....

[25] Hợp đồng ủy quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số:..... ngày.....

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu, khí xuất bán trong kỳ tính thuế	**[26]**	Thùng; m^3	
2	Sản lượng dầu thô, khí thiên nhiên xuất bán quy đổi	**[27]**	Tấn/MMBTU/GJ	
3	Hệ số quy đổi	**[28]**	Thùng/tấn; m^3/MMBTU; m^3/GJ	
4	Giá bán	**[29]**	USD/thùng; USD/m^3	
5	Doanh thu xuất bán trong kỳ tính thuế	**[30]**	USD; VND	
6	Thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ tính thuế	**[31]**	USD; VND	
7	Thuế xuất khẩu trong kỳ tính thuế	**[32]**	USD; VND	
8	Các loại thuế khác (nếu có)	**[33]**	USD; VND	
9	Chi phí thu hồi	**[34]**	USD; VND	
10	Chi phí được trừ khác	**[35]**	USD; VND	

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
11	Lợi nhuận trước thuế trong kỳ tình thuế [36]=[30]-[31]-...-[35]	**[36]**	USD; VND	
12	Thuế suất thuế TNDN	**[37]**	%	
13	Thuế TNDN phải nộp trong kỳ tính thuế [38]=[36]x[37]	**[38]**	USD; VND	
14	Lãi dầu, khí sau thuế theo quyết toán [39]=[36]-[38]	**[39]**	USD; VND	
15	Tỷ lệ chia cho nước chủ nhà	**[40]**	%	
16	Lãi dầu, khí sau thuế của nước chủ nhà theo quyết toán [41]=[39]x[40]	**[41]**	USD; VND	
17	1,5% phí quản lý, giám sát các Hợp đồng dầu khí [42]=[41] x 1,5%	**[42]**	USD; VND	
18	Lãi dầu, khí nước chủ nhà còn lại theo quyết toán [43]=[41] - [42]	**[43]**	USD; VND	
18.1	*Tỷ lệ (%) nộp ngân sách*	***[44]***	*%*	
18.2	*Tỷ lệ (%) để lại Công ty mẹ - PVN*	***[45]***	*%*	
18.3	*Số tiền lãi phải nộp ngân sách theo quyết toán [46]=[43] x [44]*	***[46]***	*USD; VND*	
18.4	*Số tiền nộp về Công ty mẹ - PVN [47]=[43] x [45]*	***[47]***	*USD; VND*	
19	Số tiền lãi dầu, khí tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế	**[48]**	USD; VND	
20	Chênh lệch giữa số tiền còn phải nộp theo quyết toán với số đã kê khai trong kỳ tính thuế [49]=[46] - [48]	**[49]**	USD; VND	
21	Tỷ giá quy đổi	**[50]**	VND/USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

- Chỉ tiêu [07]: Tên người nộp thuế là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Lô...).

- Trường hợp một NNT khai thác đồng thời dầu thô, condensate và khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.

- Trường hợp dầu thô, condensate, khí thiên nhiên bán tại thị trường Việt Nam hoặc Chính phủ có quy định khác thì đồng tiền nộp thuế là đồng Việt Nam; tỷ giá quy đổi thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán.

- USD: đô la Mỹ; VND: đồng Việt Nam.

Mẫu số: **01/PL-DK**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

CHI TIẾT NGHĨA VỤ THUẾ CỦA CÁC NHÀ THẦU DẦU KHÍ

(Kèm theo các tờ khai thuế đối với dầu khí mẫu số 01/TAIN-DK, 02/TAIN-DK, 01/TNDN-DK, 02/TNDN-DK)

[01] Dầu thô: □ **[02]** Condensate: □ **[03]** Khí thiên nhiên: □

[04] Kỳ tính thuế: Ngày.....tháng.....năm.... Hoặc tháng.....năm.... Hoặc năm....

(Đối với dầu thô và condensate là ngày... tháng... năm/năm; Khí thiên nhiên là tháng/năm)

[04a] Lần đầu □ **[04b]** Bổ sung lần thứ:...

[05] Tên người nộp thuế:.....

[06] Mã số thuế: □□□□□□□□□□ □□□

[07] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:.....

[08] Mã số thuế: □□□□□□□□□□ □□□

[09] Số thuế phải nộp: ..... USD; VND

STT	Nhà thầu dầu khí		Tỷ lệ phân bổ	Số thuế phát sinh phải nộp (USD; VND)	Ghi chú
	Mã số thuế	Tên nhà thầu			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = [09]*(4)	(6)
1					
2					
3					
4					
Tổng cộng			100,xxxxx%		

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

Chỉ tiêu [05]: Tên người nộp thuế là tên người điều hành, doanh nghiệp liên doanh, công ty điều hành chung.

Mẫu số: **02-1/PL-DK**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

PHÂN CHIA TIỀN DẦU, KHÍ XUẤT BÁN

(Kèm theo các tờ khai thuế đối với dầu khí mẫu số 02/LNCN-PSC, 02/LNCN-VSP)

[01] Dầu thô: □ **[02]** Condensate: □ **[03]** Khí thiên nhiên: □

[04] Kỳ tính thuế: Ngày..... tháng..... năm.... Hoặc tháng..... năm.... Hoặc năm....

(Đối với dầu thô và condensate là ngày...tháng...năm/năm; Khí thiên nhiên là tháng/năm)

[04a] Lần đầu □ **[04b]** Bổ sung lần thứ:...

[05] Tên người nộp thuế:.....

[06] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[07] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:.....

[08] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

STT	Ngày xuất bán	Sản lượng xuất bán		Giá bán (USD/thùng)	Chi phí thu hồi	Các khoản thuế				Chi phí được trừ khác	Lãi dầu, khí	Lãi dầu, khí NCN được chia		
		thùng/BTU	tấn/m^3			Tài nguyên	xuất khẩu/ đặc biệt	Phụ thu dầu lãi	Thuế TNDN			Tổng	Nộp NSNN	để lại PVN

STT	Ngày xuất bán	Sản lượng xuất bán		Giá bán (USD/thùng)	Chi phí thu hồi	Các khoản thuế				Chi phí được trừ khác	Lãi dầu, khí	Lãi dầu, khí NCN được chia		
		thùng/BTU	tấn/m^3			Tài nguyên	xuất khẩu/ đặc biệt	Phụ thu dầu lãi	Thuế TNDN			Tổng	Nộp NSNN	để lại PVN

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Chỉ tiêu [04]: Kỳ tính thuế là ngày, tháng, năm là ngày xuất bán đối với dầu thô; Kỳ tính thuế là tháng, năm là tháng xuất bán đối với khí thiên nhiên.

- Chỉ tiêu [05]: Tên người nộp thuế là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Lô...).

- Trường hợp một NNT khai thác đồng thời dầu thô, condensate và khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.

- Trường hợp dầu thô, condensate, khí thiên nhiên bán tại thị trường Việt Nam hoặc Chính phủ có quy định khác thì đồng tiền nộp thuế là đồng Việt Nam; tỷ giá quy đổi thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán.

Mẫu số: **03/TNDN-DK**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(Áp dụng đối với thu nhập từ chuyển nhượng quyền lợi tham gia Hợp đồng dầu khí của tổ chức tiến hành hoạt động dầu khí theo quy định của Luật Dầu khí)

[01] Kỳ tính thuế: Lần phát sinh ngày... tháng... năm...

[02] Lần đầu □ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Mã số thuế thực hiện kê khai nộp thuế:

Bên chuyển nhượng quyền lợi:

[05] Tên tổ chức chuyển nhượng:.....

[06] Mã số thuế (nếu có): ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[07] Địa chỉ trụ sở chính:.....

[08] Hợp đồng dầu khí lô:.....

[09] Hợp đồng chuyển nhượng số..... ngày.....

Bên nhận chuyển nhượng:

[10] Tên tổ chức hoặc cá nhân nhận chuyển nhượng:

[11] Địa chỉ trụ sở chính:

[12] Mã số thuế (đối với doanh nghiệp):

☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[13] Mã số thuế hoặc số chứng minh nhân dân, số hộ chiếu (đối với cá nhân):

☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[14] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:.....

[15] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[16] Địa chỉ:..... **[17]** Quận/huyện:..... **[18]** Tỉnh/Thành phố:.....

[19] Điện thoại:..... **[20]** Fax:..... **[21]** E-mail:.....

[22] Hợp đồng ủy quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số:..... ngày.....

[23] Tên tổ chức bị chuyển nhượng tại Việt Nam:.....

[24] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[25] Địa chỉ trụ sở chính:.....

[26] Hợp đồng dầu khí lô:.....

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Giá chuyển nhượng	**[27]**	USD; VND	

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
2	Giá mua của phần quyền lợi chuyển nhượng	**[28]**	USD; VND	
3	Chi phí chuyển nhượng	**[29]**	USD; VND	
4	Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng quyền lợi [30]=[27]-[28]-[29]	**[30]**	USD; VND	
5	Thuế suất	**[31]**	%	
6	Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp [32]=[30]x[31]	**[32]**	USD; VND	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Mẫu số: **01/BCTL-DK**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO DỰ KIẾN SẢN LƯỢNG DẦU KHÍ KHAI THÁC VÀ TỶ LỆ TẠM NỘP THUẾ

[01] Kỳ tính thuế: Năm...

[02] Lần đầu □ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Địa chỉ:..... **[07]** Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/Thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** E-mail:.....

[12] Hợp đồng dầu khí lô:.....

[13] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:.....

[14] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[15] Địa chỉ:..... **[16]** Quận/huyện:..... **[17]** Tỉnh/Thành phố:.....

[18] Điện thoại:..... **[19]** Fax:..... **[20]** E-mail:.....

[21] Hợp đồng ủy quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số:..... ngày.....

STT	**Nội dung**	**Đơn vị tính**	**Sản phẩm**			
			Dầu thô	**Condensate**	**Khí thiên nhiên**	**Ghi chú**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sản lượng dầu khí dự kiến khai thác trong kỳ tính thuế					
	- Tính theo thùng	thùng				
	- Tính theo m^3	m^3				
2	Tổng số ngày khai thác dầu khí trong kỳ tính thuế	ngày				
3	Sản lượng khai thác bình quân ngày					
	- Tính theo thùng/ngày	thùng/ngày				
	- Tính theo m^3/ngày	m^3/ngày				

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Sản phẩm			
			Dầu thô	Condensate	Khí thiên nhiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4	Tỷ lệ thuế tài nguyên tạm nộp	%				
5	Tỷ lệ thuế xuất khẩu tạm nộp	%				
6	Tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp đối với trường hợp bán trong nước	%				
7	Tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp đối với trường hợp xuất khẩu	%				

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

Chỉ tiêu [04]: Tên người nộp thuế là tên người điều hành, doanh nghiệp liên doanh, công ty điều hành chung.

Mẫu số: **01/TNS-DK**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI CÁC KHOẢN THU VỀ HOA HỒNG DẦU KHÍ, TIỀN ĐỌC VÀ SỬ DỤNG TÀI LIỆU DẦU KHÍ

[01] Kỳ tính thuế: Lần phát sinh ngày... tháng... năm...
[02] Lần đầu □ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:.....
[05] Mã số thuế người nộp thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[06] Hợp đồng dầu khí lô:.....
[07] Mã số thuế hợp đồng dầu khí: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐
[08] Địa chỉ nhà điều hành PSC:.....
[09] Quận/huyện:..... **[10]** Tỉnh/Thành phố:.....
[11] Điện thoại:..... **[12]** Fax:..... **[13]** E-mail:.....
[14] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:.....
[15] Mã số thuế đơn vị được ủy quyền/đại lý thuế:
☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[16] Địa chỉ:..... **[17]** Quận/huyện:..... **[18]** Tỉnh/Thành phố:.....
[19] Điện thoại:..... **[20]** Fax:..... **[21]** E-mail:.....
[22] Hợp đồng ủy quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số:..... ngày.....

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
1	Tiền thu hoa hồng chữ ký	**[23]**	USD	
2	Tiền thu hoa hồng phát hiện thương mại dầu, khí	**[24]**	USD	
3	Tiền thu hoa hồng sản xuất	**[25]**	USD	
4	Tiền đền bù do không thực hiện đầy đủ cam kết tối thiểu của nhà thầu trong các Hợp đồng dầu khí	**[26]**	USD	
5	Tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu khí (100%)	**[27]**	USD	
5.1	Tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu khí nộp NSNN	**[28]**	USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:
- Chỉ tiêu [04]: Tên người nộp thuế là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Lô...).

Mẫu số: **01/KTTSBĐ**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC TÀI SẢN BẢO ĐẢM TRONG THỜI GIAN CHỜ XỬ LÝ

(Áp dụng cho tổ chức tín dụng hoặc bên thứ ba được tổ chức tín dụng ủy quyền kê khai và nộp thuế thay cho Người nộp thuế có tài sản bảo đảm)

[01] Quý..... năm.....

[02] Lần đầu: □ **[03]** Bổ sung lần thứ:....

[04] Tổ chức, doanh nghiệp khai thay, nộp thay:.....

[05] Mã số thuế của tổ chức, doanh nghiệp khai thay, nộp thay:

										-			

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:

										-			

I. Kê khai thay cho người nộp thuế có tài sản bảo đảm là tổ chức, doanh nghiệp

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng giá tính thuế GTGT	**[14]**	
2	Tổng số thuế GTGT phải nộp trong kỳ	**[15]**	
3	Tổng thu nhập tính thuế TNDN	**[16]**	
4	Tổng số thuế TNDN phải nộp trong kỳ	**[17]**	

II. Kê khai thay cho người nộp thuế có tài sản bảo đảm là cá nhân

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng doanh thu tính thuế GTGT	**[18]**	
2	Tổng số thuế GTGT phải nộp trong kỳ	**[19]**	
3	Tổng doanh thu tính thuế TNCN	**[20]**	
4	Tổng số thuế TNCN phải nộp trong kỳ	**[21]**	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ KHAI THAY hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ KHAI THAY
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Mẫu số: **01-1/KTTSBĐ**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG KÊ CHI TIẾT SỐ THUẾ PHẢI NỘP ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC TÀI SẢN BẢO ĐẢM TRONG THỜI GIAN CHỜ XỬ LÝ

(Kèm theo Tờ khai thuế đối với hoạt động khai thác tài sản bảo đảm trong thời gian chờ xử lý mẫu số 01/KTTSBĐ)

[01] Quý.....năm...

[02] Lần đầu: □ **[03]** Bổ sung lần thứ:....

[**04] Tổ chức, doanh nghiệp khai thay, nộp thay:**.....

[05] Mã số thuế của tổ chức, doanh nghiệp khai thay, nộp thay: □□□□□□□□□□ □□□

[06] Địa chỉ :..... **[07]** Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** E-mail:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: □□□□□□□□□□ □□□

I. Kê khai thay cho người nộp thuế có tài sản bảo đảm là tổ chức, doanh nghiệp

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Người nộp thuế có tài sản bảo đảm	Mã số thuế	Hợp đồng		Số tiền thanh toán trong kỳ	Ngày thanh toán	Thuế GTGT		Thuế TNDN		Tổng số thuế phải nộp
			Số	Ngày/ tháng/ năm			Giá tính thuế	Thuế GTGT phải nộp	Thu nhập tính thuế	Thuế TNDN phải nộp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(9)+(11)
	Cộng:										

II. Kê khai thay cho người nộp thuế có tài sản bảo đảm là cá nhân

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Người nộp thuế có tài sản bảo đảm	Mã số thuế	Chứng minh thư/Thẻ căn cước (đối với NNT không có thông tin MST)	Hợp đồng		Số tiền thanh toán trong kỳ	Ngày thanh toán	Thuế GTGT		Thuế TNCN		Tổng số thuế phải nộp
				Số	Ngày/ tháng/ năm			Doanh thu tính thuế	Thuế GTGT phải nộp	Doanh thu tính thuế	Thuế TNCN phải nộp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)+(12)
	Cộng:											

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI NỘP THUẾ KHAI THAY hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ KHAI THAY
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Mẫu số: **01/CTLNĐC**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN ĐƯỢC CHIA CHO PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN, CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

[01] Ngày được nhận cổ tức, lợi nhuận:.....

[02] Lần đầu ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Kỳ tính cổ tức, lợi nhuận được chia của năm..., theo Nghị quyết/Quyết định số...

[05] Cổ tức được chia☐ **[06]** Lợi nhuận được chia ☐

[07] Tên người nộp thuế:.....

[08] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[09] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[10] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[11] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... ngày:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
1	Tổng số cổ tức của công ty cổ phần, lợi nhuận của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên chia theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc quyết định của Hội đồng thành viên	**[12]**	
2	Tỷ lệ vốn góp của Nhà nước trong công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (%)	**[13]**	
3	Số cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước phải nộp ngân sách nhà nước của công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	**[14]**	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(*Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử*)

Ghi chú: *Chỉ tiêu [01] "ngày được nhận cổ tức, lợi nhuận" là ngày công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên bắt đầu thực hiện chi trả cổ tức, lợi nhuận.*

Mẫu số: **01/QT-LNCL**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN LỢI NHUẬN SAU THUẾ CÒN LẠI SAU KHI TRÍCH LẬP CÁC QUỸ PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ

Áp dụng đối với:...(lựa chọn hoạt động phải khai riêng, nếu có)...

[01] Kỳ tính lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ:.....
Từ...../...../..... đến...../...../.....

[02] Lần đầu ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	**Xác định số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp ngân sách nhà nước**	**[09]**	
1	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**[10]**	
2	Các khoản phân phối, trích lập các quỹ theo quy định được trừ (**[11]=[12]+[13]+...+[16]**)	**[11]**	
2.1	Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế (nếu có)	**[12]**	
2.2	Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế	**[13]**	
2.3	Trích quỹ đầu tư phát triển	**[14]**	
2.4	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	**[15]**	
2.5	Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên	**[16]**	
B	**Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp ([17]=[10]-[11])**	**[17]**	

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
C	**Số lợi nhuận sau thuế còn lại nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này**	**[18]**	
D	**Số lợi nhuận sau thuế còn lại đã tạm nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán**	**[19]**	
E	**Chênh lệch giữa số phải nộp của kỳ tính thuế và số đã tạm nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán ([20]=[17]-[19])**	**[20]**	
G	**Số lợi nhuận sau thuế còn lại còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán ([21]=[17]-[18]-[19])**	**[21]**	

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

1. Tờ khai mẫu số 01/QT-LNCL được mặc định áp dụng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của người nộp thuế. Trường hợp người nộp thuế có các hoạt động đặc thù "Hoạt động xổ số kiến thiết, xổ số điện toán" thì phải lựa chọn để khai riêng đối với hoạt động đặc thù đó.

2. Chỉ tiêu [18]: NNT kê khai số lợi nhuận sau thuế còn lại nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số lợi nhuận sau thuế còn lại phải nộp kỳ này.

Mẫu số: **01-1/QT-LNCL**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG PHÂN BỔ SỐ LỢI NHUẬN SAU THUẾ CÒN LẠI PHẢI NỘP ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN

(Kèm theo Tờ khai quyết toán lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp ngân sách nhà nước của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ mẫu số 01/QT-LNCL)

[01] Kỳ tính lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ:.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[04] Tổng số lợi nhuận sau thuế còn lại phải nộp NSNN trên tờ khai quyết toán:..... đồng

[05] Tổng doanh thu bán vé thực tế:..... đồng

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh, tên tỉnh nơi phát sinh doanh thu bán vé thực tế (khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính)	Mã số thuế/ Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn nơi có hoạt động kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Doanh thu bán vé thực tế theo địa bàn	Tỷ lệ doanh thu bán vé thực tế theo địa bàn (%)	Số lợi nhuận sau thuế còn lại phải nộp cho từng tỉnh theo quyết toán	Số lợi nhuận sau thuế còn lại nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	Số lợi nhuận sau thuế còn lại đã tạm nộp cho từng tỉnh	Chênh lệch giữa số phải nộp và số đã tạm nộp trong năm	Số lợi nhuận sau thuế còn lại còn phải nộp cho từng tỉnh
			Huyện	Tỉnh								
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13] =[12]/[05]* 100%	[14] = [04]*[05]	[15]	[16]	[17] = [14]- [16]	[18]= [14]-[15] -[16]
1	<Tên đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>											
2	<Tên địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>											

STT	Tên đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh, tên tỉnh nơi phát sinh doanh thu bán vé thực tế (khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính)	Mã số thuế/ Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn nơi có hoạt động kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Doanh thu bán vé thực tế theo địa bàn	Tỷ lệ doanh thu bán vé thực tế theo địa bàn (%)	Số lợi nhuận sau thuế còn lại phải nộp cho từng tỉnh theo quyết toán	Số lợi nhuận sau thuế còn lại nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	Số lợi nhuận sau thuế còn lại đã tạm nộp cho từng tỉnh	Chênh lệch giữa số phải nộp và số đã tạm nộp trong năm	Số lợi nhuận sau thuế còn lại còn phải nộp cho từng tỉnh
			Huyện	Tỉnh								
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13] =[12]/ [05]* 100%	[14] = [04]*[05]	[15]	[16]	[17] = [14]- [16]	[18]= [14]- [15] -[16]
3	<Nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh>											
...	...											
	Cộng theo từng tỉnh... [19]											
	Cộng các tỉnh [20]											
	Tỉnh... nơi đóng trụ sở chính [21] (=[04]- [20])											

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(*Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử*)

Ghi chú:

1. Cột [07]

- *Tên đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính:* Kê khai cho tỉnh nơi đơn vị phụ thuộc đóng trụ sở vào chỉ tiêu này. Trường hợp trong một tỉnh có nhiều đơn vị phụ thuộc ở nhiều huyện thì chọn 01 đơn vị phụ thuộc tại 01 địa bàn huyện phát sinh doanh thu để kê khai vào chỉ tiêu huyện tại cột [07].

- *Tên địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính*: Kê khai cho tỉnh nơi có địa điểm kinh doanh nếu phát sinh doanh thu bán vé theo từng địa điểm kinh doanh. Trường hợp có nhiều địa điểm kinh doanh trên nhiều huyện thuộc một tỉnh thì chọn 01 địa điểm kinh doanh tại 01 địa bàn huyện phát sinh doanh thu để kê khai vào cột [07].

- *Nơi không có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh:* Kê khai cho tỉnh nơi không có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh nhưng có phát sinh doanh thu bán vé. Trường hợp trong một tỉnh có phát sinh doanh thu bán vé ở nhiều huyện thì chọn 01 địa bàn huyện phát sinh doanh thu để kê khai vào cột [07].

2. Cột [09] và ([10]: Kê khai địa bàn cấp huyện, tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh hoặc hoạt động bán vé khác tỉnh với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh hoặc hoạt động bán vé trên nhiều huyện thuộc một cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ là Cục Thuế thì chọn 1 đơn vị đại diện hoặc một huyện để kê khai vào chỉ tiêu này. Trường hợp có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh hoặc hoạt động bán vé trên nhiều huyện thuộc 1 cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ là Chi cục Thuế khu vực thì chọn 1 đơn vị đại diện hoặc 1 huyện do Chi cục Thuế khu vực quản lý để kê khai vào chỉ tiêu này

3. Cột [15]: NNT kê khai số lợi nhuận sau thuế còn lại nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số lợi nhuận sau thuế còn lại phải nộp kỳ này.

4. Cột [16]: NNT kê khai số số lợi nhuận sau thuế còn lại phải nộp đã tạm nộp trong năm tính thuế đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán.

Mẫu số: **01/DK-TĐKTT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI KỲ TÍNH THUẾ TỪ THÁNG SANG QUÝ

Kính gửi:... (Tên cơ quan thuế quản lý trực tiếp)...

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp/Lĩnh vực hoạt động/Ngành nghề kinh doanh chính:.....

.....

Hiện nay, cơ sở chúng tôi đang thực hiện khai thuế...<chọn một trong hai loại thuế: Giá trị gia tăng, Thu nhập cá nhân>... theo kỳ tính thuế Tháng, đủ điều kiện khai thuế theo kỳ tính thuế Quý và lựa chọn khai thuế theo kỳ tính thuế Quý.

Cơ sở chúng tôi đề nghị được **áp dụng kỳ tính thuế**... <chọn một trong hai loại thuế: Giá trị gia tăng, Thu nhập cá nhân>... **theo Quý kể từ kỳ tính thuế Quý I năm...**

Cơ sở chúng tôi xin cam kết thực hiện tính thuế, khai thuế và nộp thuế theo đúng quy định của Luật Quản lý thuế, các văn bản quy phạm pháp luật thuế có liên quan (bao gồm cả các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung cũng như quy định chi tiết) hiện hành.

Nếu vi phạm luật thuế và các chế độ quy định, chúng tôi xin chịu xử lý theo pháp luật./.

..., ngày... tháng... năm...
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(*Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử*)

Mẫu số: **02/XĐ-PNTT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN XÁC ĐỊNH SỐ TIỀN THUẾ PHẢI NỘP THEO THÁNG TĂNG THÊM SO VỚI SỐ ĐÃ KÊ KHAI THEO QUÝ

[01] Loại thuế: Giá trị gia tăng ☐ Thu nhập cá nhân ☐

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

1. Nghĩa vụ thuế đã kê khai theo quý đối với hồ sơ khai thuế mẫu số...			
Mã giao dịch điện tử của hồ sơ khai thuế		**Kỳ tính thuế quý**	**Số thuế phải nộp [09]**
		Quý I năm...	
		Quý II năm...	
		Quý III năm...	
		Quý IV năm...	
Cộng			**[10]**
2. Nghĩa vụ thuế xác định lại theo tháng			
Kỳ tính thuế tháng	**Số thuế phải nộp [11]**	**Số thuế phải nộp chênh lệch [12]**	**Tiền chậm nộp (nếu có) [13]**
Tháng...			
Tháng...			
Tháng...			
Cộng quý...	**[14]**	**[15]>0**	
...			
Tổng cộng	**[16]**	**[17]>0**	**[18]=∑[13]**

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

1. Chỉ tiêu "1. Nghĩa vụ thuế đã kê khai theo quý đối với hồ sơ khai thuế mẫu số:..." dùng để khai mẫu số của hồ sơ khai thuế có liên quan (ví dụ: 01/GTGT Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường; 01/XSBHĐC;...).

2. Cột chỉ tiêu "Mã giao dịch điện tử của hồ sơ khai thuế" dùng để khai mã hồ sơ khai thuế điện tử do cơ quan thuế cấp tại Thông báo về việc chấp nhận <chứng từ điện tử> mẫu số 01-2/TB-TĐT (ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế) lần nộp hồ sơ sau cùng. Trường hợp người nộp thuế đã nộp hồ sơ khai thuế kỳ tính thuế quý bằng giấy hoặc bằng mã vạch đến cơ quan thuế thì phải ghi rõ lần thứ của hồ sơ và ngày cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ đối với lần nộp hồ sơ cuối cùng (ví dụ: Bổ sung lần thứ 01 ngày 10/5/2021; Lần đầu ngày 30/06/2021;...).

3. Người nộp thuế tự tính "2. Nghĩa vụ thuế xác định lại theo tháng" và cộng từng quý, tổng các quý; trong đó số liệu tại cột chỉ tiêu [15] của từng quý bằng số liệu của quý tương ứng tại chỉ tiêu [14] trừ đi số liệu của quý tương ứng tại cột chỉ tiêu [09]. Đồng thời, người nộp thuế tự xác định và chịu trách nhiệm về số thuế phải nộp phân bổ tăng thêm nộp cho các địa phương có liên quan (nếu có)./.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng